

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Xã hội ngày càng phát triển thì nhu cầu du lịch càng tăng cao. Du lịch không chỉ là một nhu cầu hưởng thụ mà còn là một cách trau dồi kiến thức, vốn văn hóa, mở rộng sự hiểu biết. Từ xa xưa du lịch được xem như là một sở thích của giới thượng lưu, hầu hết các danh thắng, cảnh đẹp ở nước ta các vua chúa đã từng đặt chân đến và có đề bút tích ở đó, như: Vịnh Hạ Long, Chùa Hương, Tam Cốc - Bích Động...

Ngày nay trên phạm vi thế giới du lịch đã trở thành nhu cầu cần thiết của con người, nó vượt qua phạm vi của một dân tộc, một quốc gia, một lãnh thổ, và lan rộng ra toàn cầu. Du lịch là nơi giao lưu, gặp gỡ, trao đổi kiến thức, văn hoá giữa con người với con người, con người với tự nhiên, góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần

Hoạt động du lịch ở Việt Nam trong những năm gần đây liên tục có sự phát triển. Theo số lượng thống kê của Bộ VH TT và Du lịch. Số lượng khách du lịch từ năm 1990 đến năm 2007 lượng khách du lịch luôn duy trì được mức tăng trưởng, khách du lịch quốc tế tăng 17 lần từ 250.000 lượt (1990) lên xấp xỉ 4.253 triệu lượt (2008). Khách du lịch nội địa ước tăng 20 lần từ 1 triệu lượt (1990) lên 20,5 triệu lượt năm (2008).

Về thu nhập du lịch: du lịch thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế mọi tầng lớp nhân dân, mang lại thu nhập không chỉ cho các đối tượng trực tiếp kinh doanh du lịch, mà gián tiếp đối với các ngành liên quan. Tốc độ tăng trưởng nhanh về thu nhập, năm 1990 thu nhập du lịch mới đạt 1.350 tỷ đồng thì đến năm 2009, con số đó ước đạt 70.000 tỷ đồng, gấp trên 50 lần.

Hiệu quả kinh tế xã hội của hoạt động du lịch ngày càng rõ nét, góp phần xoá đói giảm nghèo và làm giàu cho xã hội. Du lịch phát triển góp phần tăng tỉ trọng GDP của ngành du lịch trong khu vực dịch vụ. Ở đâu du lịch phát triển, ở đó diện mạo đô thị, nông thôn được chỉnh trang, đời sống nhân dân được cải thiện rõ nét như: Sa Pa, (Lào Cai), Sầm Sơn (Thanh Hoá)...

Trong sự phát triển của ngành du lịch, du lịch lễ hội góp phần quan trọng vào việc thu hút du khách, đặc biệt là lễ hội của các dân tộc có sắc thái văn hóa và những nét độc đáo riêng.

Khu vực Việt Bắc bao gồm sáu tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang. Đây là nơi sinh sống lâu đời của các dân tộc như: Tày, Nùng, Dao, Hmông, Cao Lan... truyền thống sinh hoạt đã tạo nên nét văn hoá đặc sắc với điệu múa Khèn của người Mông, điệu hát then của người Tày... nơi đây cũng có rất nhiều lễ hội đặc sắc mang đậm bản sắc văn hoá : Lễ hội Lồng Tồng, lễ hội Cầu Mùa, lễ hội Giã Cốm, Nhảy Lửa...

Ngoài ra trong thời kì kháng chiến chống Pháp Việt Bắc cũng là nơi, Bác Hồ, các cán bộ chủ chốt của Đảng sống và làm việc. Vì vậy, khu vực này còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử có giá trị. Góp phần làm tăng thêm tiềm năng du lịch nhân văn.

Là một người con sinh ra và lớn lên tại khu vực Việt Bắc nơi có lịch sử cách mạng hào hùng, lớn lên cùng với các lễ hội dân tộc truyền thống. Em mong muốn giới thiệu nét văn hoá độc đáo của quê hương mình, thông qua du lịch lễ hội để giới thiệu quảng bá hình ảnh khu vực Việt Bắc thơ mộng, nếp sống sinh hoạt cộng đồng của các dân tộc, để mọi người hiểu, biết đến một khu vực giàu truyền thống cách mạng.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

- Mục đích:

Đề tài nhằm tìm hiểu, khai thác giá trị của các lễ hội ở khu vực Việt Bắc từ đó đánh giá ưu và nhược điểm của du lịch nói chung và du lịch lễ hội ở Việt Bắc nói riêng. Bên cạnh đó đề tài cũng nhằm mục đích giới thiệu những tập quán văn hóa lâu đời, những nét văn hóa đặc sắc của các dân tộc khu vực này thông qua các lễ hội.

Bước đầu đưa ra một số giải pháp cụ thể để khai thác tốt hơn du lịch lễ hội - nguồn tài nguyên du lịch nhân văn của Việt Bắc. Góp phần giữ gìn và tôn tạo các giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh

thần cho cư dân các vùng lễ hội.

- Nhiệm vụ:

Nghiên cứu các nghi thức, các trò chơi dân gian trong một số lễ hội tiêu biểu của các dân tộc ở Việt Bắc; Đánh giá thực trạng, đề ra các giải pháp để nâng cao công tác tổ chức quản lý, ý thức của người dân về vai trò của lễ hội, phục vụ cho việc phát triển du lịch lễ hội ở khu vực Việt Bắc.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng:

Đề tài tập trung vào việc nghiên cứu, đánh giá một số lễ hội tiêu biểu của các dân tộc ở khu vực Việt Bắc có khả năng khai thác phục vụ cho việc phát triển du lịch lễ hội.

- Phạm vi:

Khu vực Việt Bắc là nơi sinh sống của rất nhiều dân tộc, trong đó mỗi dân tộc có một nét sinh hoạt văn hóa độc đáo, lối sống, phong tục, tập quán riêng ... hình thành nên đời sống tinh thần phong phú. Việt Bắc có nhiều lễ hội chứa đựng nhiều tiềm năng phát triển du lịch.

Với khả năng và điều kiện thời gian trong khuôn khổ của một khóa luận tốt nghiệp đại học, người viết tập trung nghiên cứu một số lễ hội tiêu biểu của các dân tộc ở Việt Bắc. Từ đó làm cơ sở để tiếp tục mở rộng khai thác lễ hội trong phạm vi không gian văn hóa rộng hơn.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Đề tài sử dụng những phương pháp cơ bản sau của phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội - nhân văn.

- Thu thập và xử lý thông tin:

Đây là phương pháp hết sức cần thiết cho việc thực hiện đề tài, để có một lượng thông tin cần thiết, và đầy đủ về mọi mặt tự nhiên, văn hóa, xã hội trong khu vực, người viết cần tiến hành thu thập thông tin, tư liệu từ nhiều lĩnh vực, nhiều nguồn khác nhau, sau đó xử lý chúng để hoàn thành bài viết của mình.

- Nghiên cứu thực địa: (điền dã)

Đây là phương pháp nghiên cứu rất cơ bản để khảo sát thực tế. Nó là một phương pháp quan trọng được sử dụng để thu thập số liệu, thông tin về vấn đề nghiên cứu.

- Tổng hợp và phân tích

Là phương pháp sử dụng để phân tích, đánh giá, tổng hợp đưa ra nhận xét dựa trên các tư liệu đã thu thập được từ những phương pháp trên. Từ đó có cái nhìn tổng quát hơn, có những đánh giá nhận, xét khách quan về vấn đề mà mình nghiên cứu.

5. Đóng góp của đề tài

Bước đầu khắc họa được bức tranh Lễ hội tiêu biểu của đồng bào các dân tộc khu vực Việt Bắc với nếp sống sinh hoạt phong phú, các phong tục tập quán lâu đời của cư dân các dân tộc vùng cao này.

Đánh giá thực trạng việc khai thác du lịch lễ hội ở Việt Bắc; Từ đó có những kiến nghị, đề xuất các giải pháp, góp phần nâng cao hoạt động du lịch lễ hội ở Việt Bắc.

Trong quá trình thực hiện đề tài này tuy có nhiều khó khăn, bỡ ngỡ của người tập sự nghiên cứu khoa học. Nhưng người viết đã cố gắng để hoàn thành những nhiệm vụ mà đề tài đã đặt ra, bước đầu có những đóng góp cho việc giới thiệu hình ảnh lễ hội của các dân tộc Việt Bắc.

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Mục lục, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của khóa luận được trình bày trong ba chương:

Chương I: Vài nét khái quát về khu vực Việt Bắc

Chương II: Một số Lễ hội tiêu biểu và hoạt động du lịch Lễ hội ở Việt Bắc

Chương III: Thực trạng hoạt động du lịch Lễ hội và những giải pháp nhằm phát triển du lịch Lễ hội ở Việt Bắc

CHƯƠNG 1

VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC VIỆT BẮC

1.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN – XÃ HỘI

Việt Bắc còn được gọi một cách văn hoa là Thủ đô kháng chiến, bởi đây là nơi trú đóng của đầu não Đảng cộng sản Việt Nam thời trước khởi nghĩa năm 1945, và là nơi trú đóng của đầu não chính phủ Việt Minh trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

- Địa giới hành chính:

Chiến khu Việt Bắc xưa, thuộc sáu tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang. Trong đó thủ đô kháng chiến, trọng tâm ở hai tỉnh: Tỉnh Tuyên Quang từ năm 1944 đến năm 1945, nơi có “ *Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào*”, là nơi sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Và thủ đô kháng chiến, thủ đô gió ngàn ở Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên, nơi “ *Chín năm làm một Điện Biên/ Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng*).

Ngày nay khi nói đến Việt Bắc chúng ta vẫn hiểu đó là ranh giới của sáu tỉnh Cao - Bắc - Lạng - Thái - Tuyên - Hà. Đây là khu vực có diện tích rộng lớn: 37.139,83 km² với số dân là 4.112 nghìn người (2009). [22,1]

Theo số liệu thống kê năm 2009 địa giới hành chính của các tỉnh:

Tỉnh Cao Bằng có diện tích: 6.690,7 km², dân số là 510,9 nghìn người, bao gồm thị xã Cao Bằng và 12 huyện: Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hạ Lang, Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình, Phục Hòa, Quảng Yên, Thạch An, Thông Nông, Trà Lĩnh, Trùng Khánh.

Cao Bằng phía Bắc giáp với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang, phía Nam giáp tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn. Cao Bằng được xem là vùng đất có truyền thống cách mạng lâu đời, là nơi cội nguồn của cách mạng Việt Nam.

Tỉnh Bắc Kạn có diện tích 4.857,2 km², với số dân là 294,7 nghìn người, là tỉnh ít dân nhất trong cả nước. Tỉnh lỵ gồm một thị xã Bắc Kạn và 7 huyện: Ba Bể, Bạch Thông, Chợ Đồn, Chợ Mới, Na Rì, Ngân Sơn, Pắc Nặm. Phía Bắc

của tỉnh giáp Cao Bằng, phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn, phía Nam giáp tỉnh Thái Nguyên, phía tây giáp tỉnh Tuyên Quang.

Bắc Kạn là tỉnh vùng núi cao, có địa hình phức tạp, cơ sở vật chất và kinh tế chưa phát triển. Tuy nhiên Bắc Kạn là tỉnh giàu tiềm năng du lịch bởi sự phong phú của tài nguyên, khoáng sản và nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Lạng Sơn là tỉnh có diện tích 8.305,21 km², dân số 731,9 nghìn người, gồm thành phố Lạng Sơn và 10 huyện: Tràng Định, Văn Lãng, Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn, Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập. Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng, phía Đông bắc giáp Sùng Tả (Quảng Tây - Trung Quốc) phía Nam giáp tỉnh Bắc Giang, Phía Đông nam giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây giáp tỉnh Bắc Kạn, phía Tây nam giáp tỉnh Thái Nguyên.

Lạng sơn có hai cửa khẩu quốc tế: cửa khẩu đường sắt Đồng Đăng, cửa khẩu đường bộ Hữu Nghị, có hai cửa khẩu quốc gia: Chi Ma (Huyện Lộc Bình), Bình Nghi (Huyện Tràng Định), Tân Thanh (Huyện Văn Lãng), Cốc Nam (Huyện Cao Lộc) và 7 cặp chợ biên giới Việt Trung.

Thái Nguyên có diện tích 3.534,4 km², dân số 1.124,8 nghìn người, gồm 1 thành phố: Thành phố Thái Nguyên và 1 thị xã: Thị xã Sông Công, có 7 huyện: Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương. Thái Nguyên có vị trí khá thuận lợi, phía Bắc giáp với tỉnh Bắc Kạn, phía Tây giáp với Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, phía Đông giáp với Lạng Sơn, Bắc Giang và phía Nam tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội.

Thái Nguyên là một trong những trung tâm chính trị, kinh tế, giáo dục của khu Việt Bắc, là cửa ngõ giao lưu kinh tế - xã hội giữa vùng trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ. Cùng với vị trí trung tâm của Việt Bắc, Thái Nguyên còn là nơi hội tụ văn hóa của các dân tộc miền núi phía Bắc.

Tuyên Quang có diện tích 5.868 km², dân số 725,5 nghìn người, gồm có 1 thị xã Tuyên Quang và 5 huyện, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Na Hang, Sơn Dương, Yên Sơn. Tỉnh có phía Bắc giáp Hà Giang, phía Đông Bắc giáp Cao Bằng, phía Đông giáp Bắc Kạn và Thái Nguyên, phía Nam giáp Vĩnh Phúc, phía Tây –

Nam giáp Phú Thọ, phía Tây giáp Yên Bái.

Tuyên Quang là căn cứ cách mạng trong kháng chiến chống Pháp. Vì vậy nơi đây lưu giữ nhiều di tích lịch sử hấp dẫn du khách tìm về với cội nguồn dân tộc.

Hà Giang có diện tích 7.844,3, dân số 724,3 nghìn người, gồm 1 thị xã và 10 huyện: Bắc Mê, Bắc Quang, Đồng Văn, Hoàng Su Phì, Mèo Vạc, Quản Bạ, Quang Bình, Vị Xuyên, Xín Mần, Yên Minh. Tỉnh có Phía Đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía Tây giáp tỉnh Yên Bái và Lào Cai, phía Nam giáp tỉnh Tuyên Quang, phía Bắc giáp Vân Nam và Quảng Tây (Trung Quốc).

Hà Giang có núi non hùng vĩ, có cao nguyên đá Đồng Văn, hệ động thực vật phong phú là điểm thu hút khách du lịch đến với Hà Giang.

- Điều kiện tự nhiên

Các tỉnh Việt Bắc nằm trong khu vực Đông Bắc Bộ, là vùng núi với nhiều khối núi và dãy núi đá vôi hoặc núi đất. Phía Đông thấp hơn có nhiều dãy núi hình vòng cung quay lưng về hướng Đông lần lượt từ Đông sang Tây là vòng cung sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.

Phía Tây Bắc cao hơn, với các khối núi và dãy núi đá cao như Tây Côn Lĩnh, Kiều Liêu Ti, cao nguyên đá Đồng Văn. Phía Tây Nam thấp có dãy núi Tam Đảo sát vùng Đồng Bằng.

Sáu tỉnh thuộc khu vực Việt Bắc nhìn chung địa hình đồi núi là chủ yếu, có núi non trùng điệp, rừng núi chiếm diện tích lớn, độ cao trung bình so với mặt nước biển là trên 200m, ở Lạng Sơn và Hà Giang có các núi cao như đỉnh Tây Côn Lĩnh, Kiều Liêu Ti, đặc biệt đỉnh Mẫu Sơn (Lạng Sơn) được bao bọc bởi nhiều ngọn núi lớn nhỏ, thỉnh thoảng có tuyết rơi vào mùa đông.

Hệ thống sông ngòi ở khu vực khá dày, có nhiều sông lớn chảy qua, sông Lô, sông Gâm (thuộc hệ thống sông Hồng), sông Cầu (thuộc hệ thống sông Thái Bình)... sông Kỳ Cùng của Lạng Sơn bắt nguồn từ vùng núi Bắc Xa thuộc huyện Đình Lập, sông Kỳ Cùng thuộc lưu vực sông Tây Giang - Trung Quốc. Đây là con sông duy nhất ở miền Bắc Việt Nam chảy theo hướng Đông Nam - Tây Bắc, do vậy mảnh đất xứ Lạng còn được gọi là “*nơi dòng sông chảy*

ngược”. Nét đặc trưng của hệ thống sông ở đây là độ dốc lớn, mùa lũ là thời gian dòng chảy mạnh nhất.

Khí hậu của vùng thể hiện rõ nét khí hậu miền Bắc Việt Nam, có sự phân mùa rõ rệt, ở các mùa khác nhau nhiệt độ phân bố không đồng đều do sự phức tạp của địa hình miền núi và sự biến tính nhanh chóng của không khí lạnh trong quá trình di chuyển ở vùng nội chí tuyến đã gây nên những chênh lệch đáng kể trong chế độ nhiệt giữa các vùng.

Do địa hình cao, ở phía Bắc lại có nhiều dãy núi hình cánh cung mở ra ở phía Bắc, chụm đầu về Tam Đảo, vào mùa Đông, vùng này có gió Bắc thổi mạnh, nên rất lạnh. Vùng núi ở Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn có thể có lúc nhiệt độ xuống 0⁰C và có mưa tuyết thậm chí tuyết. Các vùng ở đuôi các dãy núi cánh cung cũng rất lạnh do gió, nhà thơ Tố Hữu trong bài *Phá Đường* từng nhắc đến cái rét ở đây “*Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế*”.

Địa hình đồi núi là chủ yếu gây nên nhiều khó khăn về giao thông, kinh tế, tuy nhiên bên cạnh đó nó cũng có sự thuận lợi trong việc phát triển du lịch. Tại các đỉnh núi cao, do có tuyết vào mùa đông nhờ đó thu hút được một lượng khách lớn, rừng núi chiếm phần lớn diện tích, thuận lợi cho việc phát triển du lịch sinh thái, thám hiểm... có nhiều hang động đẹp hang Phương Thiện, hang Chui, Động Tiên, Suối Tiên (Hà Giang), động Tam Thanh (Lạng Sơn), động Phượng Hoàng (Thái Nguyên), ngoài ra còn có những ngọn thác đẹp và hùng vĩ: thác Bản Giốc (Cao Bằng), thác Bảy Tầng (Thái Nguyên), thác Mơ (Tuyên Quang)...

Ngoài ra còn phải nói đến một danh thắng thiên nhiên rất nổi tiếng của vùng đó là Hồ Ba Bể (Bắc Kạn).

Có thể nói đây là khu vực giàu tiềm năng du lịch bởi sự phong phú của tài nguyên, cùng với nó là nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc miền núi đông bắc Việt Nam.

- Dân cư

Việt Nam tổ quốc của nhiều dân tộc, các dân tộc cùng là con cháu của Lạc Long Quân - Âu Cơ, nở ra từ trứng, nửa theo mẹ lên núi, nửa theo cha xuống biển, cùng mở mang xây dựng non sông “*Tam sơn, tứ hải, nhất phần điền*”, với rừng núi trùng điệp, đồng bằng sỏi cánh cò bay và biển Đông bốn mùa sóng vỗ, bờ cõi liền một dải từ chòm Lũng Cú (Bắc) đến xóm Rạch Tàu (Nam), từ đỉnh Trường Sơn (Tây) đến quần đảo Trường Sa (Đông).

Cùng chung sống lâu đời trên một đất nước, các dân tộc có truyền thống yêu nước, đoàn kết giúp đỡ nhau trong chinh phục thiên nhiên và đấu tranh xã hội, suốt quá trình lịch sử dựng nước, giữ nước và xây dựng phát triển đất nước.

Trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, dân số giữa các dân tộc rất không đều nhau, có dân tộc có số dân trên một triệu như Tày, Thái... nhưng cũng có dân tộc chỉ có vài trăm người như Pu Péo, Rơ-măm, Brâu... trong đó, dân tộc Kinh là dân tộc đa số, chiếm tỷ lệ lớn nhất trong dân cư nước ta, có trình độ phát triển cao hơn, là lực lượng đoàn kết, đóng vai trò chủ lực và đi đầu trong quá trình đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước, góp phần to lớn vào việc hình thành, củng cố và phát triển cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Vùng Việt Bắc với tổng số dân là: 4.112 nghìn người (2009) là nơi cư ngụ chính của các dân tộc Tày - Nùng, thuộc dòng ngôn ngữ Thái, dân tộc Dao và các nhóm thiểu số khác.

Người Tày là cư dân bản địa lâu đời, từ cuối thiên niên kỉ thứ I trước công nguyên. Người Tày (trước đây trong sử của các nhà cự nho, họ được gọi là người Thổ) và người Nùng, cùng tiếng nói và văn hóa, chỉ khác người Tày gần với người Việt hơn trong khi người Nùng chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc.

Người Tày có trình độ kinh tế xã hội cao hơn các dân tộc khác trong vùng, có ảnh hưởng nhiều đến các dân tộc khác trong vùng. Địa bàn cư trú chủ yếu Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Quảng Ninh...

Người Nùng còn có các tên gọi khác Xuông, Giàng, Nùng An, Phàn Sinh... cư trú chủ yếu ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lâm Đồng...

Người Hmông còn có tên gọi khác Mẹo, Hoa, Mèo đỏ, Mèo đen... chủ yếu sống trên các vùng núi cao ở Hà Giang, Tuyên Quang

Người Dao, còn có tên gọi khác Mán, Động, Trại, Xá, Dao Tiên, Thanh y, Quần Chẹt...

Người Sán Chay (Cao Lan - Sán Chỉ) địa bàn cư trú Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang...

Người Sán Dìu còn có các tên gọi khác Sán đèo, Trại, Mán, quần cộc... cư trú ở Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang...

Người La Chí có tên gọi khác Cù Tê, La Quả địa bàn cư trú chủ yếu ở Hà Giang, Tuyên Quang.

Ngoài ra còn một số dân tộc khác như Lô Lô, Pà Thẻn, Cơ Lao, Pu Péo, Hoa... người Kinh.

Ngay từ lâu đời các cư dân vùng Việt Bắc đã biết trồng lúa nước, trồng ngô, sắn... biết thâm canh, biết thủy lợi. Ngoài ra còn có nghề dệt thổ cẩm nổi tiếng với các hoa văn phong phú, màu sắc sặc sỡ.

Tuy có sự chênh lệch về dân số, nhưng các dân tộc trong khu vực Việt Bắc nói riêng và các dân tộc Việt Nam nói chung vẫn coi nhau như anh em một nhà, quý trọng thương yêu đùm bọc lẫn nhau, chung sức xây dựng và bảo vệ tổ quốc, cả khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn. Không xảy ra tình trạng dân tộc đa số cưỡng bức, đồng hóa, thôn tính các dân tộc ít người, do đó cũng không có tình trạng dân tộc ít người chống lại dân tộc đa số. Ngày nay, trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, các dân tộc anh em trên đất nước ta tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp, tăng cường đoàn kết, nỗ lực phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

1.2. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

Khu vực Việt Bắc với vị trí tương đối thuận lợi, có đường biên giới giáp với Trung Quốc, qua các cửa khẩu lớn như: Đồng Đăng, Hữu Nghị... có địa hình gần kề với khu vực đồng bằng sông Hồng, giao lưu dễ dàng với khu vực

kinh tế phát triển sôi động của đất nước. Đây cũng là khu vực giàu tài nguyên để phát triển nông nghiệp (trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, cây thuốc quý, chăn nuôi gia súc lớn), công nghiệp (tài nguyên năng lượng, kim loại và không kim loại), du lịch, lâm nghiệp (tuy nhiên tài nguyên rừng đã bị suy thoái nhiều).

Khu vực này có khoáng sản và trữ năng thủy điện lớn của nước ta, lòng đất ở đây giàu than, quặng sắt, mangan, đồng, chì kẽm... các mỏ than tập trung chủ yếu ở Thái Nguyên, mỏ sắt (Yên Bái), thiếc và bôxít (Cao Bằng), kẽm, chì (Bắc Kạn), mỏ thiếc ở Tĩnh Túc - Cao Bằng sản xuất khoảng 1 nghìn tấn thiếc mỗi năm để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Việc phát triển thủy điện cũng là một thế mạnh của vùng, ở đây có các thủy điện lớn như: thủy điện Đại Thụ trên sông Gâm (Tuyên Quang) có công suất 250 nghìn kw.

Là khu vực có thế mạnh phát triển các cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới, do khí hậu có mùa đông lạnh của nước ta. Đây là vùng chè lớn nhất cả nước, với các loại chè thơm ngon nổi tiếng ở Thái Nguyên, Hà Giang, Yên Bái, Tuyên Quang...

Địa hình đồi núi có nhiều đồng cỏ, thuận lợi cho việc chăn nuôi gia súc lớn: trâu, bò lấy thịt và sữa. Đây cũng là vùng có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc trồng các cây thuốc quý: tam thất, đương quy, đỗ trọng, hồi, thảo quả...

Đây là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người, do vậy việc phát huy các thế mạnh của vùng không chỉ có ý nghĩa kinh tế lớn mà còn có ý nghĩa chính trị sâu sắc

1.3. ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA

Dân cư chủ yếu của vùng Việt Bắc là người Tày và Nùng, tác động đến văn hóa của vùng.

Trước tiên là văn hóa vật chất. Người Tày - Nùng có hai loại nhà chính: nhà sàn và nhà đất. Nhà sàn là dạng nhà phổ biến nhất, có hai loại nhà sàn, sàn hai mái và sàn bốn mái. Nếu là nhà sàn bốn mái, hai mái đầu hồi bao giờ cũng thấp hơn hai mái chính. Cửa có thể mở ở mặt trước hoặc đầu hồi, cầu thang lên

xuống bằng tre, gỗ, nhưng số bậc bao giờ cũng lẻ, không dùng bậc chẵn. Nhà đất là loại nhà xuất hiện ngày càng nhiều, nhưng cũng có rất nhiều thay đổi so với ngôi nhà sàn về quy mô, kết cấu, bố cục bên trong... ở một số vùng còn có loại nhà nửa sàn nửa đất, đây là loại nhà đặc biệt, vừa mang tính chất nhà đất vừa mang tính chất nhà sàn. Hiện nay do điều kiện tự nhiên, kinh tế có nhiều thay đổi, số lượng nhà sàn ở khu vực đã giảm, chỉ còn một số ít vùng người dân còn ở nhà sàn, phần lớn nó đã được thay thế bằng nhà gỗ, nhà xây ...

Về trang phục, người Tày - Nùng có tính thống nhất được phân biệt theo giới tính, địa vị, lứa tuổi, theo nhóm địa phương. Trang phục của người đàn ông Tày và Nùng chỉ khác nhau đôi chút về kích thước, mang tính chất giản dị, không có sự trang trí bằng hoa văn.

Trang phục của người phụ nữ đa dạng và phong phú, gồm có áo dài, quần, thắt lưng, khăn đội đầu, hài vải... đồ trang sức là vòng cổ, vòng tay, vòng chân và xà tích bằng bạc, tuy nhiên người phụ nữ Nùng có khác một chút là họ thường bịt răng vàng, ưa thích đồ trang sức bằng bạc như vòng chân, vòng tay, vòng cổ, khuyên tai, hoa tai....

Về mặt ăn uống, tùy theo từng tộc người mà cách thức chế biến thức ăn và khẩu vị của cư dân Việt Bắc có hương vị riêng. Thức ăn chính của người dân là gạo tẻ, nhưng việc chế biến các món ăn từ gạo nếp lại rất được chú trọng. Trong ngày tết, cốm là món đặc biệt hấp dẫn, các loại xôi màu thường có mặt trong ngày lễ tết, màu của xôi được lấy từ các loại lá cây rừng chứ không dùng phẩm màu. Các món thịt lợn, thịt vịt quay thường được làm cầu kì như thịt lợn quay Lạng Sơn, vịt quay thất Khê...

Đời sống văn hóa tinh thần của cư dân Việt Bắc có những nét cơ bản giống với các khu vực khác.

Về tín ngưỡng tôn giáo, tín ngưỡng dân gian của cư dân Tày - Nùng hướng niềm tin của con người tới thần bản mệnh, trời, đất, tổ tiên. Các thần linh của họ rất đa dạng, có khác là nhiều thần như thần núi, thần sông, thần đất. Ngoài ra lại có các vua, có Giàng Then, ý thức cộng đồng được củng cố thông

qua việc thờ thần bản mệnh của mừng hay của bản. Ý thức về gia đình, dòng họ được củng cố thông qua việc thờ phụng tổ tiên. Mỗi gia đình có một bàn thờ tổ tiên đặt ở vị trí trang trọng nhất trong nhà.

Diện mạo tôn giáo Việt Bắc cũng có những nét khác biệt. Các tôn giáo như Không giáo, Phật giáo, Đạo giáo đều có ảnh hưởng đến đời sống tâm linh của người dân ở Việt Bắc, chùa thờ phật ít hơn dưới đồng bằng, nhưng cũng có những chùa đáng lưu ý như chùa Hang, Chùa Diên Khánh, chùa Nhị Thanh, Tam Thanh. Tam giáo được cư dân Tày tiếp thu gần giống với người Việt, nhưng ở mức độ thấp, trong sự kết hợp với các tín ngưỡng vật linh vốn có từ lâu đời trong dân gian.

Về chữ viết, vùng Việt Bắc với người Tày - Nùng, chữ viết trải qua các giai đoạn: giai đoạn Cổ đại không có chữ viết, giai đoạn Cận đại có chữ Nôm, giai đoạn hiện đại vừa có chữ Nôm, vừa có chữ Latinh. Năm 1960, Đảng và nhà nước ta đã giúp người Tày - Nùng xây dựng hệ thống chữ viết theo lối chữ Quốc ngữ, bằng chữ cái Latinh.

Trong khi đó văn học dân gian Việt Bắc khá đa dạng về thể loại, phong phú về số lượng tác phẩm, như thành ngữ, tục ngữ, truyện cổ tích, nói ví, câu đố, đồng dao, dân ca. Riêng dân ca, loại phong phú là loại khá riêng biệt được viết trên nền giấy vải khá công phu. Đặc biệt, lời ca giao duyên: lượn coi và lượn lương là những thể loại tiêu biểu.

Lễ hội của cư dân Việt Bắc rất phong phú. Ngày hội của toàn cộng đồng là hội Lồng Tồng (hội xuống đồng), hội Cầu Mùa, hội Nàng Hai...

Nói đến sinh hoạt văn hóa của cư dân vùng Việt Bắc, không thể không nói đến sinh hoạt hội chợ ở đây là nơi để trao đổi hàng hóa, nhưng cũng lại là nơi để nam nữ thanh niên trao duyên, tỏ tình. Người ta đã từng nói đến một loạt sinh hoạt văn hóa hội chợ ở vùng này, và có thể coi như một sinh hoạt văn hóa đặc thù của vùng Việt Bắc.

Tóm lại, Việt Bắc là một vùng văn hóa có nhiều nét riêng. Tộc người chủ thể Tày - Nùng với lịch sử và văn hóa của họ tạo ra nét đặc thù này. Tuy nhiên, những

đặc thù này không phá vỡ tính thống nhất của văn hóa Việt Bắc và văn hóa cả nước.

1.4. TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ

Có người nói rằng muốn phác họa lịch sử Việt Nam “*hãy vẽ thanh kiếm và dòng máu đỏ*”. Cùng với lịch sử chinh phục thiên nhiên, nhân dân ta còn có lịch sử chống giặc ngoại xâm vô cùng oanh liệt. Đất nước ta ở vào nơi thuận tiện trên trục đường giao thông Bắc - Nam, Đông - Tây của thế giới, có tài nguyên thiên nhiên phong phú và vị trí địa lý, chính trị có tính chiến lược. Do đó, các thế lực bành trướng và xâm lược luôn nhòm ngó và tìm cách thôn tính nước ta. Đặc điểm nổi bật của lịch sử Việt Nam là lịch sử chống giặc ngoại xâm liên tục và nhiều lần, trong đó có nhiều cuộc đấu tranh chống lại những thế lực thù địch hùng mạnh, giàu có và hung bạo nhất thế giới. Chính vì vậy mà cộng đồng các dân tộc Việt Nam luôn sát cánh bên nhau, liên tục đứng lên chống giặc ngoại xâm, đánh thắng quân xâm lược.

Nhân dân các dân tộc Việt Bắc có truyền thống lâu đời và rất vẻ vang, cùng đoàn kết chặt chẽ bên nhau để đấu tranh dựng nước và giữ nước. Nhân dân các dân tộc Việt Bắc cũng như nhân dân cả nước khát khao độc lập tự do, khát khao một cuộc sống hạnh phúc.

Truyền thuyết và kí ức của cư dân Việt Bắc còn ghi khá kĩ về tổ tiên họ tham gia khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 548, cư dân Việt Bắc lại ủng hộ cuộc khởi nghĩa của Lý Bôn chống quân nhà Lương.

Trong thời tự chủ vai trò của cư dân Việt Bắc đối với cuộc chống xâm lược nhà Tống rất quan trọng. Các đội quân của các thủ lĩnh địa phương tham gia đánh quân xâm lược Tống.

Trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông, nhân dân vùng Việt Bắc lại tích cực tham gia sức người sức của, góp phần vào sự đại thắng của quân dân Đại Việt.

Trong 10 năm kháng chiến chống quân Minh, nhân dân Việt Bắc đã tham gia rất đông đảo dưới sự lãnh đạo của các thủ lĩnh như Nông Văn Lịch, Hoàng

Thiên Hữu, Nguyễn Văn Hách, Dương Thế Châu...

Khi nhà Mạc giành ngôi của nhà Lê, thất thủ ở đồng bằng, kéo quân lên miền núi xây thành, đắp lũy để chống lại nhà Lê. Một số tù trưởng đã đứng về phía nhà Lê chống lại nhà Mạc, và khi vua Quang Trung chống quân xâm lược Thanh, người dân Việt Bắc đã hưởng ứng lời kêu gọi của Quang Trung đứng lên đánh giặc.

Người Pháp thiết lập ách cai trị trên đất nước ta, cư dân Việt Bắc đã có những cuộc vận động, tổ chức đánh giặc. Từ phong trào Cần Vương đến phong trào Việt Nam Quang Phục Hội, người dân ở đây đều tham gia khá tích cực.

Từ sau năm 1940, sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Việt Bắc đã trở thành khu căn cứ địa của cách mạng Việt Nam.

Tháng 6 năm 1945 khu giải phóng Việt Bắc được thành lập, trở thành một căn cứ địa vững chắc về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa để làm bàn đạp Nam tiến, giải phóng toàn quốc. Xã Tân Trào - Tuyên Quang được chọn làm thủ đô của khu giải phóng.

Tại Tân Trào dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ, sự giúp đỡ che chở của nhân dân Việt Bắc đối với cán bộ, chiến sĩ cách mạng. Các Hội nghị, Chỉ thị lớn đã ra đời, chiều ngày 16 tháng 8 năm 1945, dưới bóng đa cổ thụ, các đại biểu từ mọi miền tổ quốc và nhân dân địa phương đã có mặt đông đủ dự lễ xuất quân. Các chiến sĩ quân giải phóng đội ngũ chỉnh tề, đứng nghiêm nghe đọc bản Quân lệnh số 1 của Ủy ban Khởi nghĩa, rồi thẳng tiến về phía Nam trong lời ca hào hùng “*Cờ giải phóng phát cao, mau thẳng tiến! Trời phương nam, dân chúng đang ngóng chờ...*”

Cách mạng Tháng Tám đã lật đổ nền quân chủ mấy mươi thế kỷ, đã đánh tan xiềng xích thực dân gần 100 năm, đã đưa chính quyền lại cho nhân dân, đã xây nền tảng cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc. Đó là một công cuộc đổi thay cực kỳ to lớn trong lịch sử của đất nước.

Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, Việt Bắc lại trở thành căn cứ địa kháng chiến chống pháp. Đầu năm 1947, khi Pháp tái chiếm Hà Nội, chính

phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lại rút lên Việt Bắc để tổ chức kháng chiến. Lần này thủ đô kháng chiến được chọn tại Định Hóa tỉnh Thái Nguyên. Đây là nơi Đảng, Bác Hồ đã lãnh đạo nhân dân kháng chiến đánh đuổi giặc Pháp ra khỏi miền Bắc Việt Nam với chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy.

Khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, miền Nam còn chịu sự xâm lược của giặc Mỹ, nhân dân Việt Bắc đã góp sức người, sức của tất cả vì miền Nam thân yêu, vì nước Việt Nam độc lập.

Như vậy trong diễn trình lịch sử, cư dân Việt Bắc đã cùng gắn bó số phận với các dân tộc ở vùng xuôi, đánh đuổi giặc ngoại xâm ra khỏi bờ cõi, tạo nên trang sử hào hùng cho đất nước.

1.5. TÀI NGUYÊN DU LỊCH

Việt Bắc là khu vực có sự đa dạng về tài nguyên du lịch, tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn.

- Tài nguyên du lịch tự nhiên:

Việt Bắc là vùng đất nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái với các rừng cây nguyên sinh, rừng đặc dụng, sông, hồ, thác nước và hang động tuyệt đẹp. Ở sáu tỉnh của Việt Bắc đều có núi, rừng, sông, suối trải dài hùng vĩ, bao la thiên nhiên còn nhiều nét hoang sơ nguyên sinh.

Khi đến với tỉnh Cao Bằng, du khách sẽ được chiêm ngưỡng thác Bản Giốc - một thác nước cao, hùng vĩ và đẹp vào loại nhất Việt Nam. Từ độ cao trên 30m, những khối nước đổ xuống qua nhiều bậc đá. Thác có chiều rộng lớn tới hàng trăm mét, giữa thác nước có các mô đá rộng, phủ đầy cây, khi thác nước chảy xuống chia thành 3 luồng nước đổ xuống sông Bằng. Thác nước cao, rộng, cuồn cuộn đổ xuống những tảng đá phẳng làm bọt tung trắng cả một vùng, tạo phong cảnh lung linh huyền ảo và hùng vĩ.

Một điểm du lịch cũng rất hấp dẫn, thu hút nhiều khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan đó là hồ Ba Bể, hồ được hình thành do đứt gãy kết hợp với sự phong hóa của địa hình đá vôi. Hồ có diện tích gần 500 ha, dài 8km, rộng khoảng 2km, nước trong xanh. Hồ Ba Bể được Hội thảo về hồ thế giới hợp

tháng 3 năm 1995 đánh giá là một trong 20 hồ tự nhiên có giá trị của thế giới cần được bảo vệ. Hồ có sự đa dạng sinh thái cao, có nhiều loại động thực vật quý và hiếm cần được bảo vệ như : hươu xạ, gấu ngựa, cá cóc Tam Đảo, rùa hộp...

Điểm du lịch Hồ Núi Cốc của tỉnh Thái Nguyên cũng là một điểm đến hấp dẫn, hồ nằm giữa một khu vực có cảnh quan thiên nhiên trữ tình, thơ mộng, có nhiều cây xanh và được dệt trên câu chuyện huyền thoại nàng Công chàng Cốc. Hồ có nhiều đảo nhỏ, là nơi trú ngụ của cò và có nhiều cây xanh tạo phong cảnh kỳ thú.

Ngoài ra, đến với Việt Bắc du khách sẽ có dịp chiêm ngưỡng nhiều cảnh đẹp tự nhiên khác như núi Mẫu Sơn (Lạng Sơn), mùa đông trên núi có tuyết phủ, mùa hè có khí hậu mát mẻ, mùa xuân cảnh sắc trên núi tươi thắm, hoa đào nở rộ khắp vùng.

Cao nguyên đá Đồng Văn (Hà Giang) có độ cao khoảng 1000m so với mặt biển, địa hình hầu như chỉ thấy núi đá. Mùa đông nhiệt độ có lúc xuống đến 1⁰C, nhưng mùa hè nóng nhất chỉ khoảng 24⁰C. Bầu trời hầu như quanh năm mưa mù nên ở đây người dân có câu “*thấy nhau trong tầm mắt, gặp nhau mắt nửa ngày*” Đồng Văn nổi tiếng về trái ngon quả ngọt: đào, mận, lê, táo, hồng... Đồng Văn còn nổi tiếng về phong cảnh như núi non, hang động, những rừng hoa đủ màu sắc...

Việt Bắc có nhiều hang động đẹp, và nguyên sơ: động Ngườm Ngao (Cao Bằng), động Puông, động Ba Cửa (Bắc Kạn), động Tam Thanh, núi Vọng Phu (Lạng Sơn), động Tiên (Tuyên Quang), hang Phương Thiện (Hà Giang)...

- Tài nguyên du lịch nhân văn

Chiến khu Việt Bắc nơi có các cơ quan Chính phủ, Trung ương Đảng và các ban ngành đóng suốt những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Trên địa bàn Việt Bắc hiện lưu giữ một hệ thống di tích lịch sử cách mạng phong phú từ ATK Tân Trào - Tuyên Quang đến ATK Định Hóa Thái Nguyên và Chợ Đồn - Bắc Kạn.

Tân Trào - Tuyên Quang là nơi các cơ quan đầu não đóng, là nơi Trung ương Đảng tiến hành Hội nghị toàn quốc quyết định Tổng khởi nghĩa, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa. Với ý nghĩa lịch sử đó Tân Trào là tâm điểm của những chuyến du lịch về nguồn.

ATK Định Hóa là thủ đô kháng chiến của Việt Bắc khi thực dân Pháp quay trở lại Việt Nam (1947), đây là nơi Trung ương Đảng lãnh đạo kháng chiến, là nơi phát tích chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử.

Năm 1981, khu di tích ATK Định Hóa được nhà nước xếp hạng quốc gia. Năm 1990 Thái Nguyên đã xây dựng bia tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, phòng trưng bày di tích lịch sử, nhà khách tại đồi Tỉn Keo, nhà truyền thống tại trung tâm xã Phú Đình để giới thiệu trưng bày hiện vật.

Khu di tích lịch sử cách mạng Pắc Bó (Cao Bằng), nơi đây Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt chân về nước, sống và làm việc, lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành độc lập cho dân tộc từ năm 1941 - 1945.

Khu di tích Kim Đồng được xây dựng gồm có mộ anh Kim Đồng và tượng đài tại chân rặng núi đá cao đồ sộ

Khu căn cứ địa cách mạng ATK Chợ Đồn là một trong những khu căn cứ Hồ Chí Minh và các cán bộ cấp cao của Đảng cộng sản trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngoài ra khu vực Việt Bắc có khá nhiều các đền chùa: chùa Thạch Long (Bắc Kạn), chùa Tiên, đền Kỳ Cùng (Lạng Sơn), chùa An Vinh, đền Hạ (Tuyên Quang)...

Có hệ thống các thành cổ: Thành cổ Đoàn Thành Lạng Sơn, thành cổ nhà Mạc Tuyên Quang.

Hơn thế, Việt Bắc là nơi sinh sống của nhiều dân tộc, đời sống sinh hoạt phong phú, nơi đây có nhiều lễ hội lớn của đồng bào: Lễ hội Lồng Tồng, lễ hội Cầu Mùa, lễ hội Mùa Xuân...

1.6. HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH LỄ HỘI

Năm 2007 thủ tướng chính phủ đã đồng ý tổ chức Năm du lịch Thái Nguyên 2007 với chủ đề “Về thăm thủ đô gió ngàn - Chiến khu Việt Bắc” nhân kỷ niệm 60 năm Bác Hồ và Chính phủ về ATK Định Hóa chỉ đạo kháng chiến (20 - 5 - 1947 đến 20 - 5 - 2007). Đây là cơ hội phát triển, đánh thức những tiềm năng du lịch của các tỉnh Việt Bắc và Thái Nguyên. Năm du lịch sẽ giúp đánh bóng thương hiệu du lịch Thái Nguyên và các tỉnh Việt Bắc, thu hút các nguồn vốn đầu tư, nâng cao ý thức cộng đồng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, khơi dậy niềm tự hào về quê hương đất nước

Theo Vụ trưởng Lữ hành Vũ Thế Bình, quan điểm của giới kinh doanh lữ hành là tạo điều kiện để du khách tiếp cận được điểm du lịch như giao thông đi lại thuận lợi, huy động được sự tham gia của cộng đồng vào việc bảo vệ môi trường và phục hồi văn hóa nghệ thuật truyền thống của một số bản, làng dân tộc thiểu số phục vụ nhu cầu du lịch, đầu tư để các làng, bản đó trở thành các điểm du lịch có thể khai thác được ngay.

Hiện nay du lịch của Việt Bắc còn khá đơn điệu, mờ nhạt và chất lượng không cao, ít hấp dẫn về hình thức, các di tích chưa được đầu tư và khai thác xứng với tiềm năng của vùng đất văn hóa lịch sử này.

Du lịch của vùng còn phát triển manh mún, dựa vào khai thác những tiềm năng sẵn có là chính, thiếu sự phối hợp giữa các địa phương trong vùng theo một chiến lược chung.

Du lịch của các tỉnh Việt Bắc cần có một quy hoạch chung mang tính liên vùng, thể hiện mối liên kết giữa các địa phương trong nỗ lực phát triển du lịch, làm phong phú và tăng thêm sức hấp dẫn cùng tính khả thi cho các sản phẩm du lịch của mỗi tỉnh và cả khu vực.

TIÊU KẾT

Trong tâm thức của người dân Việt Nam, Việt Bắc là tên gọi một vùng đất gắn bó với một thời gian khổ mà oanh liệt của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng: là quê hương cách mạng, là chiến khu, là nơi ghi dấu bao chiến công anh hùng của quân dân ta... như bài thơ Việt Bắc của nhà thơ Tố Hữu đã mô tả.

“... Ở đâu u ám quân thù

Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi

Ở đâu đau đớn giống nòi

Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền”

Bên cạnh truyền thống yêu nước hào hùng, người dân Việt Bắc còn được biết đến với một đời sống sinh hoạt tinh thần phong phú của các dân tộc, với những điệu hát Then, hát Lượn của người Tày, hát Sli, lối hát giao duyên của người Nùng, những lễ hội đặc sắc mô tả cuộc sống, tín ngưỡng sinh hoạt của dân cư Việt Bắc.

CHƯƠNG 2

MỘT SỐ LỄ HỘI TIÊU BIỂU VÀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

LỄ HỘI Ở VIỆT BẮC

2.1. KHÁI QUÁT VỀ LỄ HỘI

2.1.1. Lễ hội

- Khái niệm du lịch:

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về Du lịch:

- Theo tổ chức du lịch Thế giới WTO đã đưa ra định nghĩa:

“Du lịch là tổng thể các hiện tượng và các mối quan hệ xuất phát từ sự giao lưu giữa du khách, các nhà kinh doanh, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư trong quá trình thu hút và tiếp đón du khách”

- Định nghĩa Du lịch theo quan điểm của I.I Pirôgionic:

“Du lịch là một dạng hoạt động của dân cư trong thời gian rời liên quan tới sự di chuyển và lưu lại tạm thời bên ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm nghỉ ngơi, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức, văn hóa hoặc thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế và văn hóa”

- Theo PGS Trần Nhõan trong “Du lịch và kinh doanh” (2005)

“Du lịch là một quá trình hoạt động của con người rời khỏi quê hương đến một nơi khác, với mục đích chủ yếu là được thẩm nhận những giá trị vật chất và tinh thần đặc sắc, độc đáo, khác lạ với quê hương, không nhằm mục đích sinh lời được tính bằng tiền”

- Theo Luật du lịch Việt Nam (2005)

“Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”. [Luật Du lịch, NXB Chính Trị Quốc Gia, 2005,Trang 9].

- Khái niệm lễ hội:

Có rất nhiều cách gọi và giải thích khác nhau về thuật ngữ Lễ hội: gọi lễ

hội là “Hội lễ”, “Hội hè”, “Hội hè đình đám”, “Lễ, tết, hội”...

Tác giả Bùi Thiết trong cuốn “*Từ điển hội lễ Việt Nam*” cho rằng: “*Hội lễ là cách gọi cô đọng nhằm để chỉ toàn bộ các hoạt động tinh thần và ứng xử phản ánh những tập tục, vật hiến tế, lễ nghi dâng cúng, những hội hè đình đám của một cộng đồng làng xã nhất định*”.

Trong cuốn “*Lễ hội cổ truyền*” Phan Đăng Nhật cho rằng: “*Lễ hội là một pho lịch sử khổng lồ, ở đó tích tụ vô số những lớp phong tục, tín ngưỡng văn hóa nghệ thuật và cả các sự kiện xã hội – lịch sử quan trọng của dân tộc*”

Trong cuốn “*Hội hè Việt Nam*” các tác giả nhận định Lễ hội như sau: “*Hội và Lễ hội là một sinh hoạt văn hóa lâu đời của dân tộc Việt Nam chúng ta. Hội và lễ hội có sức hấp dẫn, lôi cuốn các tầng lớp trong xã hội để trở thành một nhu cầu, một khát vọng của nhân dân trong nhiều thập kỉ*”.

Tác giả Dương Văn Sáu đã định nghĩa Lễ hội như sau:

“*Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng diễn ra trên một địa bàn dân cư trong thời gian và không gian xác định; nhằm nhắc lại một sự kiện, nhân vật lịch sử hay huyền thoại; đồng thời là dịp để biểu hiện cách ứng xử văn hóa của con người với thiên nhiên – thần thánh và con người trong xã hội*”.

Tuy có khác nhau về cách diễn đạt nhưng các ý kiến đó không mâu thuẫn nhau mà thống nhất trong một nội dung: “*Lễ hội là sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, nghệ thuật truyền thống của cộng đồng*”

Như vậy, trong khái niệm Lễ hội gồm hai yếu tố: Lễ và Hội. Hai yếu tố này luôn tồn tại song song, bổ sung hỗ trợ và hoàn thiện lẫn nhau.

Lễ: theo từ điển Tiếng Việt “*Lễ là những nghi thức tiến hành nhằm đánh dấu hoặc kỉ niệm một sự việc, sự kiện có ý nghĩa nào đó*”. Như vậy, Lễ là cách ứng xử của con người trước tự nhiên rộng lớn, bí ẩn. Các nghi thức, nghi lễ của Lễ toát lên sự cầu mong phù hộ, độ trì của thần phật linh thiêng cứu giúp con người tìm ra được lối thoát. Lễ ở Việt Nam chủ yếu tập trung trong các nghi thức, nghi lễ liên quan đến sự cầu mùa, người an vật thịnh. Có thể nói: “*Lễ là phần đạo tâm linh của cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng và đảm*

bảo nề nếp, trật tự cho hội được hoàn thiện hơn”.

Hội: là cuộc vui tổ chức chung cho đông đảo người dự, theo phong tục hoặc nhân vật đặc biệt.

Hội là đám vui đông người, gồm hai đặc điểm cơ bản là đông người tập trung trong một địa điểm và vui chơi với nhau. Nhưng nếu chỉ có vậy thì chưa thể thành hội. Muốn được gọi là Hội theo nghĩa Dân tộc học phải gồm các yếu tố:

- Được tổ chức nhân dịp kỉ niệm một sự kiện quan trọng nào đó và liên quan đến cộng đồng làng bản.

- Nhằm đem lại lợi ích tinh thần cho mọi thành viên của cộng đồng, mang tính cộng đồng cả tư cách tổ chức lẫn mục đích của nó. Có khi tính cộng đồng được mở rộng đến các làng, bản khác.

- Có nhiều trò vui đến mức như hỗn độn, đến vô số, tả tơi cả người “*Vui xem hát, nhạ xem bơi, tả tơi xem hội*”. Đây là sự cộng cảm cần thiết của phương diện tâm lý sau những ngày tháng lao động vất vả với những dồn nén cần được giải tỏa và thăng bằng trở lại.

Tóm lại, Hội là cuộc vui chơi bằng vô số hoạt động giải trí công cộng, diễn ra tại một địa điểm nhất định, vào dịp cuộc lễ kỉ niệm một sự kiện xã hội hay tự nhiên, nhằm diễn đạt sự phấn khích, hoan hỉ của công chúng dự lễ hội. Nếu Lễ là phần đạo thì Hội là phần đời, là khát vọng của mọi thành viên trong cộng đồng vươn tới những điều tốt đẹp. Những khát vọng đó thường được khái quát hóa, lý tưởng hóa hay nhân cách hóa bởi những nghi thức hay những hoạt động cụ thể, sinh động và rất đời thường. Cho nên phần Hội thường được kéo dài hơn phần Lễ rất nhiều và được diễn ra thật sôi động, vui vẻ, trẻ trung, mọi người đều “vào hội” để lãng quên nỗi vất vả, nhọc nhằn và cả những điều ác, sự bất công mà hướng tới niềm vui sống và tương lai tốt đẹp.

2.1.2. Du lịch lễ hội

Lễ hội là một hoạt động văn hóa tinh thần mang tính phổ quát, trong khi đó Du lịch là một hoạt động kinh tế mang tính tổng hợp. Trong bước đường phát triển, ngành Du lịch cũng phải tìm đến, khai thác và sử dụng lễ hội với tư cách

một sản phẩm văn hóa đạt hiệu quả cao trên nhiều mặt.

Theo truyền thống, Lễ hội dân gian thường được mở vào những dịp nông nhàn, trong khi đó Du lịch là một dạng hoạt động dành cho du khách khi họ có thời gian, tiền bạc và có nhiều nhu cầu khác. Việc gặp nhau giữa hai yếu tố tạm gọi là cung và cầu như vậy thông qua hoạt động du lịch gọi là Du lịch lễ hội. Như vậy:

“Việc tổ chức các tour du lịch tới các địa phương trên khắp miền đất nước trong một khoảng thời gian nhất định trong năm mà thời gian đó trùng với thời gian mở hội của địa phương. Hoạt động này giúp cho du khách tìm hiểu và thẩm nhận những giá trị nhiều mặt thông qua hoạt động lễ hội của địa phương gọi là du lịch lễ hội”. [11,274]

Như vậy lễ hội có vai trò rất quan trọng, trở thành nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống mỗi người dân. Họ đến lễ hội để cầu sức khỏe, bình an, phát tài phát lộc... hay đơn thuần chỉ là để thưởng thức những hình thức nghệ thuật dân gian hay chỉ là để được vui chơi thỏa thích hòa mình vào không khí náo nhiệt của nó.

Lễ hội là nơi du khách được xem hay trực tiếp tham gia vào những trò chơi lành mạnh và lý thú: đấu vật, bơi thuyền, thổi cơm thi, kéo co, bịt mắt bắt dê, leo dây... lại còn các trò chơi thi tài giữa các con vật như: chọi gà, chọi trâu, thả chim câu...

Lễ hội là dịp mọi người tưởng nhớ tới công đức của các anh hùng dân tộc, bày tỏ lòng tôn kính thần thánh, thể hiện tự do tín ngưỡng và chiêm ngưỡng các lễ thức tôn giáo: hội Phủ Dầy, hội chùa Keo...

Lễ hội góp phần phổ biến rộng rãi văn hóa của các địa phương tới mọi miền đất nước, truyền bá văn hóa dân tộc ra thế giới. Du lịch lễ hội góp phần tạo ra sự giao thoa và đan xen văn hóa, làm giàu kho tàng văn hóa truyền thống của dân tộc.

Nếu biết khai thác, lễ hội làm phong phú đa dạng và hấp dẫn các chương trình du lịch văn hóa, thu hút đông đảo nhiều đối tượng khách du lịch đến với

các công ty du lịch, với địa phương có lễ hội. Từ đó tăng doanh thu của các công ty du lịch và thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.

Có thể nói, lễ hội truyền thống Việt Nam là một loại tài nguyên văn hóa, đồng thời là một sản phẩm du lịch nhân văn sáng giá, có ưu thế nổi trội trong quá trình cạnh tranh quốc tế của ngành du lịch Việt Nam hiện nay.

2.1.3.Đặc Điểm của du lịch lễ hội

- Đặc điểm về thời gian:

Loại hình du lịch lễ hội là hoạt động du lịch gắn với thời gian mở hội, do vậy cũng giống như lễ hội, nó chỉ diễn ra theo thời gian mùa vụ hàng năm thường tập trung vào các tháng mùa Xuân và cuối mùa Thu. Đây không phải là mùa khách quốc tế đến Việt Nam đông. Do vậy cần có chương trình du lịch phong phú đa dạng có nhiều sự lựa chọn và phù hợp với đại đa số khách nội địa và số khách Việt kiều về thăm quê hương sau tết Nguyên đán. Đồng thời phải tổ chức, xây dựng các lễ hội du lịch, liên hoan du lịch vào mùa đông khi khách quốc tế đến Việt Nam đông để phục vụ thị trường khách tiềm năng quan trọng đặc biệt này.

-Đặc điểm về không gian:

Lễ hội bao giờ cũng gắn với một địa điểm, một địa phương nhất định, do người dân ở khu vực đó tổ chức và trước hết dành cho nhân dân địa phương thăm nhận và hưởng thụ những giá trị và lợi ích do lễ hội đem lại, sau đó mới dành cho du khách gần xa. Ở mỗi địa phương, không gian trung tâm của lễ hội truyền thống thường gắn với các công trình di tích lịch sử văn hóa của nơi đó. Đó là không gian thiêng thường diễn ra ở trong khuôn viên những đình - đền - chùa - miếu - từ đường... Còn những lễ hội hiện đại thường diễn ra ở các thành phố lớn, các trung tâm đô thị, trung tâm hành chính, chính trị văn hóa xã hội của địa phương.

Du lịch lễ hội thường diễn ra trong một không gian và thời gian nhất định nên người tổ chức du lịch phải nắm chắc thời gian và không gian của lễ hội cùng với các nội dung hoạt động của lễ hội đó để khai thác đúng hướng, có hiệu quả.

-Đặc điểm về đối tượng và nguồn khách:

Với loại hình du lịch lễ hội, lượng khách chủ yếu là khách nội địa. Trong quá trình phát triển kinh tế người dân Việt nam ngày càng có điều kiện về thời gian, kinh tế, nhu cầu vui chơi giải trí cũng không ngừng nâng cao... Đây là đối tượng khách quan trọng mà du lịch Việt Nam cần quan tâm và có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả. Bên cạnh đó, cần có một “chiến lược dài hơi” trong tổ chức kinh doanh du lịch nhằm vào đối tượng khách quốc tế, một đối tượng quan trọng không thể thiếu của du lịch Việt Nam.

-Đặc điểm về tổ chức kinh doanh:

Trong quá trình tổ chức du lịch lễ hội, các điều kiện phục vụ về lưu trú, vận chuyển, ăn uống sẽ bị tác động mạnh do sự chênh lệch giữa cung và cầu nên cần có sự chuẩn bị từ trước. Có các biện pháp đồng bộ, trên cơ sở xây dựng các phương án dự phòng đối phó với các tình huống thiên tai, dịch bệnh, khủng bố, đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối cho du khách trong khi đi du lịch lễ hội... phải nắm chắc các nội dung hoạt động trong lễ hội sắp đến, chuẩn bị các điều kiện cụ thể cho khách có thể tham gia trực tiếp các hoạt động của lễ hội như các trò chơi diễn ra trong lễ hội.

Khi đi du lịch lễ hội, do số lượng người khá đông lễ hội lại chỉ diễn ra trong một thời gian nhất định, tập trung trong một không gian hẹp nên thường dẫn đến việc thất lạc du khách, hoặc bố trí sắp xếp chương trình không đúng thời gian, kế hoạch dự kiến, từ đó cần phải có biện pháp quản lý khách phù hợp. Hiện nay một số công ty du lịch mới chỉ dừng lại ở việc kinh doanh du lịch lễ hội bằng hình thức kinh doanh vận chuyển khách du lịch thông qua hình thức cho thuê xe mà chưa khai thác các giá trị nhiều mặt của hiện tượng văn hóa đặc sắc này vào trong kinh doanh du lịch.

2.2. MỘT SỐ LỄ HỘI TIÊU BIỂU Ở KHU VỰC VIỆT BẮC

2.2.1. Lễ hội Nhảy Lửa

Nhảy Lửa là một lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc Pà Thẻn. Một sinh hoạt văn hóa mang tính tâm linh, huyền bí.

Dân tộc Pà Thẻn là một trong 54 dân tộc Việt Nam. Người Pà Thẻn còn

có tên gọi khác là Pá Hưng hay Tống. Tiếng Pà Thên thuộc nhóm ngôn ngữ Mèo - Dao. Dân số khoảng 5 nghìn người, sống tập trung tại một số xã của hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang.

Lễ hội Nhảy Lửa là một trong những sinh hoạt văn hóa cổ xưa đặc sắc của đồng bào Pà Thên.

Thời gian tổ chức lễ hội: thường được tổ chức vào khoảng giữa tháng 10 (âm lịch), khi thời tiết đang bước vào thời kỳ khắc nghiệt nhất của mùa Đông. Khi mùa vụ đã thu hoạch xong và kéo dài qua tết Nguyên Đán mới kết thúc

Địa điểm tổ chức: Xã Tân Lập, Huyện Bắc Quang, Hà Giang

Ý nghĩa của lễ hội: Đốt lửa sẽ giúp mang lại sự ấm áp, mừng cho một vụ thu hoạch hoa màu vừa kết thúc và cầu thần linh phù hộ cho an khang thịnh vượng cũng như xua đuổi tà ma, bệnh tật.

Ngoài tết Nguyên Đán ra, người Pà Thên còn có lễ hội Nhảy Lửa, đây là lễ hội truyền thống độc đáo. Với người Pà Thên “lửa” được coi như vị thần rất linh thiêng của cộng đồng. Từ bao đời nay, lễ hội Nhảy Lửa đã trở thành tục lệ không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người Pà Thên. Người Pà Thên sinh sống du canh, du cư trên các sườn đồi, núi cao, đời sống chủ yếu phụ thuộc vào thiên nhiên, nên thường xuyên phải đối mặt với thiếu thốn dịch bệnh.

Theo quan niệm của bà con, đón “thần lửa” về với gia đình sẽ giúp đẩy lùi các loại dịch bệnh, ốm đau ra khỏi người, giúp cho con người không có bệnh tật và khỏe mạnh.

Nhảy Lửa là một lễ hội từ xưa để lại, mang tính độc đáo, hoang sơ và huyền bí của người Pà Thên. Khi mùa màng đã thu hoạch xong cũng là lúc người Pà Thên chuyển bị cho một lễ hội quan trọng, linh thiêng của dân tộc mình.

- Phần lễ

Để bắt đầu một lễ hội Nhảy Lửa phải có một thầy mo đến làm lễ cầu thần linh.

Lễ vật cúng tế gồm có một bát hương, một chiếc đàn sắt, một con gà, mười chén rượu, tiền giấy. Một đống lửa lớn được đốt lên và thầy mo bắt đầu

làm lễ. Lễ hội được tổ chức ở ngoài cánh đồng, hay một khoảng sân rộng, thay vì tổ chức ở trong nhà như trước đây. Lễ chính thức được diễn ra trong khoảng thời gian 90 đến 120 phút. Thời gian làm lễ kéo dài từ 1 đến 2 giờ trước khi lễ hội Nhảy Lửa được bắt đầu.

Khi thầy mo gõ vào đàn và làm lễ cúng, từng thanh niên sẽ ngồi đối diện với thầy mo. Đó chính là lúc nhập đồng cho người nhảy lửa. Sau đó anh ta nhảy vào đồng lửa mà không có cảm giác bỏng rát hay sợ hãi gì. Mỗi người thường nhảy lửa trong vòng 3 đến 4 phút, sau đó tỉnh cơn và tiếp tục làm lễ nhập đồng. Một người có thể tham gia nhảy nhiều lần, qua đó thể hiện sức mạnh, sự khéo léo và nhanh nhẹn của mình. Nhảy lửa chỉ dành cho nam giới và những chàng trai này luôn nhận được sự thán phục, ngưỡng mộ của mọi người.

Phần hội:

Ngồi ở một đầu chiếc ghế dài và thấp, tay giơ cao, hai bàn tay nắm hai đầu thanh gỗ dài chừng 1m, chính giữa mỗi thanh gỗ là một cây đinh nhọn và có một sợi dây kim loại nối hai đầu thanh gỗ. Thầy cúng hạ tay. Phập. Cây đinh cắm ngập vào chiếc ghế dài, chia nó thành hai nửa: một nửa dành cho thầy cúng, nửa kia dành cho người sẽ nhảy vào lửa.

Tiếng rì rầm khi to khi nhỏ phát ra đều đều từ miệng thầy cúng đồng thời với tiếng “tanh, tanh, tanh” từ chiếc dùi tre vót cẩn thận được ông gõ lên thanh kim loại, tay kia cầm đàn tràng. Nghi lễ này có nghĩa rằng thầy mo đang báo cáo tổ tiên về cuộc vui chơi này, sau đó đi tìm thần lửa và thần nước để xin phép. Nếu hai thần đồng ý hợp tác với nhau thì có thể nhảy vào lửa. Nếu thần không đồng ý, ông phải đi mời lại từ đầu. Những người đàn ông trẻ tuổi dần tụ lại xung quanh thầy cúng, mặt họ ngoảnh về phía đồng lửa, đầy vẻ phấn khích. Lửa cháy mỗi lúc một lớn, giọng thầy cúng gấp gáp, hồi hả, tiếng “tanh, tanh, tanh” nhanh dần, hồi thúc.

Ông Phùng Láo Tả, 50 tuổi (một người đã trên 10 lần nhảy lửa) cho biết: Khi đã nhập ma thì nhảy sẽ không thấy nóng và nhảy rất say. Nếu ma không nhập sẽ không thể nhảy được.

Nhiều thanh niên Pà Thẻn bắt đầu tụ tập xung quanh thầy mo và lần lượt thay nhau ngồi lên đầu chiếc ghế dài. Trong phút chốc, họ rung bần bật, người cúi xuống và bắt đầu nhảy lên từng lần một, cùng lúc bằng cả hai chân. Trong khi đó, một người khác thì chạy vòng xung quanh sân, thỉnh thoảng lại bốc lên tay một viên than hồng cho vào miệng nhai, người này luôn ăn than và khi đã đến một độ nào đó, mới nhảy vào luôn.

Những thanh niên cúi gập người, nhảy lò cò bằng cả hai chân trên cát xung quanh đồng lửa. Họ bắt đầu từ việc đưa tay vào bới đồng lửa. Nhảy hẳn vào đồng lửa và lại nhảy ra trong tiếng hò reo cuồng nhiệt của mọi người. Than đỏ văng tứ tung ra xung quanh. Ngọn lửa như lại bốc cao hơn, ngùn ngụt bởi những tàn than đỏ đang bay lên. Cứ như thế liên tục, những thanh niên trong tiếng gõ của thầy mo nhảy vào lửa và có người còn nằm hẳn trên đồng lửa rồi mới nhảy ra ngoài.

Cụ Hoa Văn Tải, 80 tuổi người Pà Thẻn cho biết: chỉ có nam giới mới được tham gia nhảy lửa, còn phụ nữ thì không. Người Pà Thẻn tin rằng, một khi nhảy vào lửa, phụ nữ sẽ nhảy nhót suốt bảy ngày đêm không dừng lại được.

Không chỉ riêng người Pà Thẻn, mà bất cứ người đàn ông nào cũng có thể nhảy vào lửa miễn là thầy mo đã cúng và nhập cho họ một sức mạnh nào đó. Sức mạnh của thần linh sẽ che chở và bảo vệ họ không bị bỏng.

Anh Nguyễn Văn Toàn, quê ở Hà Tây, cán bộ Phòng Giáo dục huyện Quang Bình, chia sẻ kinh nghiệm của anh hai năm trước: “Thoạt tiên thấy người ta nhảy mình cũng muốn thử. Gỡ một lúc, phải tâm niệm, tập trung chú ý vào ngọn lửa, tự nhiên thấy vào được. Lúc nhảy vào không thấy nóng, nhưng sau đó mình bị mệt và đau người suốt mấy hôm nên bây giờ không dám nhảy”.

Chị Phù Thị Thiên, cán bộ trẻ của Phòng Văn hóa huyện Quang Bình, Hà Giang, giải thích về nguồn gốc lễ Nhảy Lửa: theo phong tục của người Pà Thẻn, lễ nhảy lửa được xem như một trò chơi sau khi việc đồng áng, thu hoạch đã xong xuôi. Mỗi người tham gia lễ Nhảy Lửa đều đem củi tới góp vui. Người Pà Thẻn quan niệm lúc này các “ma” đều tụ về nghỉ ngơi, bởi vậy việc gọi “ma”

đến nhảy lửa dễ dàng hơn.

Hiện nay, tại các bản làng của người Pà Thẻn, lễ hội Nhảy Lửa vẫn được gìn giữ nguyên sơ, được tổ chức thường xuyên vào dịp tết, là một trong những tâm điểm của khách du lịch khi muốn khám phá văn hóa độc đáo của dân tộc Pà Thẻn nói riêng cũng như các dân tộc Việt Bắc nói chung.

Nhằm giới thiệu, quảng bá , bảo tồn lễ hội Nhảy Lửa, tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, ngày 11 tháng 2 năm 2008, (Mùng 5 tết Mậu Tý) khán giả thủ đô vây kín vòng trong, vòng ngoài quanh một đồng lửa lớn ở sân Bảo tàng dân tộc học (Hà Nội) để chứng kiến cảnh tượng hiếm có 8 vũ công nhảy lửa người Pà Thẻn biểu diễn điệu nhảy chân trần trên than hồng. “Giật mình”, “kinh ngạc” đó là những gì mà người dân Thủ đô cảm nhận khi tận mắt chứng kiến lễ hội Nhảy Lửa đặc sắc của người Pà Thẻn. Đây là lần đầu tiên họ xuống biểu diễn tại thủ đô theo một chương trình do Quỹ Văn hóa Đan Mạch và Bảo tàng Dân tộc học tổ chức.

Chương trình biểu diễn nhằm giới thiệu đời sống sinh hoạt, phong tục tín ngưỡng của dân tộc Pà Thẻn để khán giả thủ đô và người dân có dịp hiểu thêm về một lễ hội, một dân tộc ở vùng địa đầu tổ quốc. Từ đó thu hút khách du lịch đến với lễ hội Nhảy Lửa, lễ hội hoang sơ và thần bí.

Có thể nói, tuy còn mang trong mình màu sắc tâm linh, tín ngưỡng huyền bí nhưng lễ hội Nhảy Lửa truyền thống của người Pà Thẻn là một kho tàng văn hóa hết sức phong phú và độc đáo, chứa đựng những giá trị tinh thần đậm nét nhân văn. Đồng thời, lễ hội này còn có tính giáo dục về đạo đức và lối sống, cách ứng xử của con người với thiên nhiên.

Nhảy Lửa là một lễ hội độc đáo có khả năng thu hút du khách trong và ngoài nước. Đến với lễ hội Nhảy Lửa du khách sẽ được tận mắt chứng kiến cảnh tượng lạ lùng, linh thiêng và huyền bí của người dân Pà Thẻn bên ngọn lửa “thần”, ngỡ ngàng và bàng hoàng về sức mạnh phi thường của con người, về đời sống tín ngưỡng, tâm linh của họ, người ta có thể nhảy vào lửa, ăn than, nằm trên đồng than hồng...

2.2.2. Lễ hội Chợ tình Khau Vai

Có lẽ trong số các lễ hội diễn ra vào mùa Xuân của cả nước thì Lễ hội chợ tình Khau Vai diễn ra muộn nhất. Nhưng không phải vì thế mà Lễ hội này giảm đi phần hấp dẫn và sức hút đối với du khách thập phương. Tình yêu bao giờ cũng là đề tài hấp dẫn nhất, vì thế Khau Vai năm nào cũng là địa điểm thu hút đông đảo mọi người, mọi lứa tuổi hướng về đây.

Chợ tình Khau vai còn gọi là “Chợ Phong lưu”, có từ năm 1919, chợ họp trên một quả đồi tại thôn Khau Vai, xã Khau Vai, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

Thời gian diễn ra Lễ hội: chợ họp mỗi năm một lần vào suốt đêm 26, cả ngày 27 tháng 3 (âm lịch) gọi là chợ nhưng không phải là nơi để buôn bán hàng hóa gần như không có người bán, người mua hàng hóa đúng nghĩa mà chỉ có một số người bán đồ ăn uống phục vụ cho những người về đây họp chợ.

“Đợi anh hết mùa lạnh, đợi anh qua mùa đào

Vượt đỉnh Mã Pí Lèng, ta tìm về với chợ tình Khau Vai”

Bắt nguồn từ một câu chuyện tình lãng mạn đầy tính nhân văn, chợ tình Khau Vai hôm nay dù đã ít nhiều đổi thay nhưng vẫn giữ được nét đặc sắc, độc đáo riêng. Trong cái nhộn nhịp của không khí lễ hội, ta vẫn bắt gặp đâu đó ánh mắt kiếm tìm mãi miết, vẫn nghe đâu đó văng vẳng lời kèn lá nỉ non hòa trong tiếng gió vi vu như kể lại cho du khách nghe câu chuyện tình ngày xưa ngày xưa...

- Mô tả lễ hội:

Chuyện kể lại rằng, vào thời bấy giờ, đất Khau Vai chỉ có người Nùng Và Giáy sinh sống. Có một gia đình nông dân nghèo, dân tộc Nùng có 3 người con trai, cả 3 chàng đều khỏe mạnh, khôi ngô tuấn tú, giỏi việc nương, săn bắn... nhà nghèo, ít ruộng nương, các chàng trai hàng ngày phải theo cha vào rừng săn bắn, hái lượm, khai thác song mây đem sang vùng Bảo Lạc để đổi lấy vải, dầu, muối. Càng lớn các chàng trai càng khỏe mạnh, càng đẹp, làm siêu lòng nhiều cô gái trong vùng. Riêng chàng thứ 3 có giọng hát rất hay và có tài thổi sáo. Tuy nhà

nghèo nhưng rất tốt bụng, thấy ai gặp khó khăn chàng sẵn sàng giúp đỡ. Vì vậy dân làng yêu quý gọi chàng bằng cái tên trù mến (chàng Ba), tiếng sáo, giọng hát của chàng bay tới đâu đều làm cho mọi người say đắm nhất là đối với các cô gái trẻ.

Ở làng người Giáy gần cạnh trong một gia đình tộc trưởng có cô con gái út xinh đẹp vừa đến tuổi thích ra bờ suối soi bóng mình. Đôi mắt nàng trong như dòng suối, đôi môi hồng như nụ đào mới nhú, làn da trắng mịn như hoa lê, hoa mận. Nàng có giọng hát rất hay tựa như chim họa mi hát...

Tuy con nhà khá giả nhưng nàng rất tốt bụng, thường giúp đỡ những người khó khăn, thích chăn trâu cùng các bạn gái trong bản, mỗi khi có dịp đi chơi cùng các bạn, nàng lại ra bờ suối thả hồn theo mây gió và gửi tiếng hát của mình vào dòng suối, rừng sâu vách đá. Càng lớn nàng càng đẹp rực rỡ như chim nộc hang, nộc phầy vào mùa kết bạn. Đã có bao chàng trai con nhà giàu, con tộc trưởng người Giáy ở các bản trong vùng ngỏ ý muốn hỏi nàng làm vợ nhưng nàng không bằng lòng với ai vì trái tim của nàng chỉ rạo rục thổn thức vì tiếng sáo của chàng Ba, tiếng hát của nàng đã quyện vào tiếng sáo của chàng Ba từ lúc nào không rõ nữa. Chỉ biết rằng khi nghe tiếng sáo của chàng Ba, cái chân của nàng lại muốn xuống cầu thang chạy đến bên chàng. Đối với chàng Ba mỗi khi nghe thấy tiếng hát của nàng Út trái tim chàng thấy bồi hồi, xao xuyến... Mỗi tình của hai người như suối lửa âm ỉ đến một ngày bùng cháy thành ngọn lửa, đó là vào đêm lễ hội “Lồng Tồng”.

Tiếng sáo của chàng Ba réo rắt ngay chân cầu thang nhà nàng. Nàng Út ra mở cửa đón chàng lên nhà cùng ngồi bên bếp lửa hát đối. Thấy vậy, cha mẹ nàng lấy gạo trộn với muối đem ra cầu thang ném để đuổi chàng đi, vì chàng là con nhà nghèo lại khác dân tộc... Sự cấm đoán gay gắt của gia đình, họ hàng càng làm cho mối tình của chàng Ba và nàng Út ngày càng thấm thiết, tình yêu càng bùng cháy như ngọn lửa gặp gió. Nàng Út đã nhiều lần trốn gia đình ra bờ suối cùng chàng Ba gặp gỡ, tâm tình. Nhưng lần nào cũng bị cha mẹ sai người đi bắt về và bị nhốt trong buồng, cuối cùng chàng Ba và nàng Út đã dùng tiếng sáo, lời hát hẹn nhau bỏ nhà lên sống trong một cái hang trên núi Khau Vai.

Biết vậy gia đình, họ hàng, dân làng người Giáy bên nàng Út vác gậy gộc, cung nỏ... sang nhà chàng Ba chửi bới, cho rằng chàng Ba đã phá lệ làng, bắt nàng Út bỏ nhà theo chàng sống trong rừng. Gia đình họ hàng, dân làng người Nùng bên chàng Ba cũng mang gậy gộc, cung tên ra chửi bới bên nhà nàng Út, ở trên núi nhìn xuống thấy cảnh hai bên xô xát ngày một lớn, thương cha mẹ anh em phải đổ máu. Hai người đành gạt nước mắt chia tay nhau về bản của mình, họ hẹn thề kiếp sau sẽ nên vợ nên chồng và hứa với nhau hàng năm nhớ ngày chia tay này sẽ trở lại núi Khau Vai để gặp nhau. Ngày ấy là ngày 27 tháng 3 âm lịch.

Lễ hội chợ tình Khau Vai cũng bao gồm hai phần:

Phần lễ: Dâng lễ lên miếu ông, miếu bà thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” nhớ công lao những người đã có công khai thác vùng đất Khau Vai. Tôn vinh sự thủy chung trong sáng của tình yêu đôi lứa. Chủ lễ là già làng trong xã cùng đại diện chính quyền dâng hương xin phép được tổ chức lễ hội

Phần hội: Sau khi lễ dâng hương, cúng lễ kết thúc, chủ lễ tuyên bố khai hội lúc này các hoạt động văn hóa, thể thao truyền thống được các thanh niên nam nữ cùng nhau trở tài. Các thiếu nữ trong trang phục truyền thống duyên dáng qua các làn điệu hát dân ca và các điệu múa kiếm, múa sạp vô cùng tinh tế...

Trước đây, người đến chợ Khau Vai không nhiều, chủ yếu là những người có mối tình trắc trở, họ yêu nhau nhưng vì những ràng buộc của lễ giáo phong kiến, những tập tục lạc hậu nên không lấy được nhau. Dù mỗi người đã có một mái ấm gia đình riêng, có người đã thành ông, thành bà, xa nhau 3 năm hay 5 năm thậm chí là 10 năm, mấy chục năm, nhưng nhớ đến ngày 27 tháng 3 âm lịch là họ lại gặp nhau tại chợ tình Khau Vai để tâm sự và kể cho nhau nghe về những nỗi buồn vui của gia đình và cuộc sống. Rồi hát cho nhau nghe những làn điệu dân ca, bởi vì họ đã gửi gắm nỗi niềm nhớ nhung, tình thương, giận hờn vào câu hát trĩu nặng nỗi lòng.

Ngày nay, chợ tình Khau Vai cũng là nơi hò hẹn của những đôi trai gái

đến chợ để vui xuân và đi tìm bạn tình. Vì thế chợ tình Khau Vai đã có biết bao đôi trai gái nên vợ thành chồng từ đây.

Điều đặc biệt ở Lễ hội chợ tình Khau vai đó là có rất nhiều đôi vợ chồng cùng nhau đến chợ, đến nơi, vợ đi tìm bạn của vợ, chồng đi tìm bạn của chồng, họ không ghen tuông, không bực bội, mà tôn trọng nhau, tôn trọng bạn của vợ, của chồng mình. Họ coi đó là sự linh thiêng, là bổn phận và trách nhiệm trước cuộc sống tinh thần của người bạn đời. Nhưng sự cho phép đó, những giây phút “ngoài chồng, ngoài vợ” chỉ có và được phép diễn ra trong ngày chợ đó, hết ngày 27 tháng 3, “cửa lòng” phải đóng lại, mọi hành vi tương tự đều bị coi là vi phạm luật tục và pháp luật, đều có thể bị trừng phạt tùy theo mức độ vi phạm.

Trong những ngày lễ hội, Khau Vai không chỉ là của riêng Mèo Vạc nữa, trong những sắc xanh đỏ lập lòe của trang phục Mông, Dao, Giáy... ta còn có thể bắt gặp những bộ cánh của những người đẹp, những chàng trai quần bò, áo phông đến từ nhiều nơi như Hà Nội, Hải Phòng, Tuyên Quang... Hay cả những người nước ngoài muốn khám phá phong tục, lễ hội độc đáo này. Thường ngày, nếu vào một làng, bản nào đó trên cao nguyên đá, ta rất khó được tiếp xúc với một sơn nữ, vì họ hay then thừng và nhút nhát trước người lạ. Nhưng ở chợ tình, các chàng trai thành phố thỏa sức được chụp ảnh, trêu ghẹo các sơn nữ mà họ vẫn không hề e then hay sợ sệt.

Đến với chợ tình Khau Vai, một cặp tình nhân đến từ nước Pháp tâm sự: “Chợ tình Khau Vai ngoài những giá trị truyền thống riêng mà chỉ người địa phương mới có thể hiểu hết, nó cũng đang trở thành một địa điểm chung cho tất cả mọi người, đặc biệt là những người có trái tim đang thổn thức yêu” [Báo Văn Hóa, Số 1843, *Chợ tình Khau Vai một lần để nhớ* Trang14]

Trong những năm qua, cùng với nỗ lực phát triển du lịch của địa phương, Hà Giang đã có nhiều tác động tích cực nhằm giới thiệu chợ tình Khau Vai đến với bạn bè trong và ngoài nước như một nét văn hóa đặc sắc của vùng đất này. Nhờ những nỗ lực đó, chợ tình Khau Vai ngày càng được nhiều người biết đến, người ta nhắc đến Hà Giang, không thể không nhắc đến chợ tình Khau Vai. Và

với những giá trị tự thân của nó, chợ tình Khau Vai cũng đã trở thành điểm đến mỗi năm của nhiều du khách trong những ngày đầu xuân.

Để thu hút du khách hơn nữa, Hà Giang đã và đang tích cực làm tốt hơn nữa công tác tổ chức lễ hội.

Gần đến ngày diễn ra lễ hội toàn bộ khu vực thị trấn Mèo Vạc được treo đèn, kết hoa, có các quầy bán các mặt hàng truyền thống của đồng bào các dân tộc như các loại khèn, sáo, váy, mũ, túi dệt thổ cẩm... cho các khách du lịch trong và ngoài nước đến chiêm ngưỡng, mua sắm.

Năm 2009 trong dịp diễn ra Lễ hội Chợ tình Khau Vai, huyện Mèo Vạc có 7.500 phòng khách sạn, nhà nghỉ, nhà lưu trú đã đặt kín chỗ. Dự kiến trong những ngày diễn ra lễ hội sẽ có khoảng 20.000 lượt khách đến du lịch lưu trú. Từ thị trấn Mèo Vạc du khách có thể đi bằng xe máy, ô tô đến với Khau Vai.

Dải đất biên cương đầy nắng và gió, với những nương đá bạt ngàn lại là quê hương của phiên chợ tình độc đáo và đã trở thành nếp sinh hoạt văn hóa không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân vùng cao. Chợ tình Khau Vai thực sự là một ngày hội không chỉ của riêng người dân Mèo Vạc, của người dân Hà Giang mà đã trở thành ngày hội, ngày gặp mặt của nhân dân, du khách trong và ngoài nước.

Đến với Mèo Vạc, đến với chợ tình Khau Vai trong những ngày diễn ra lễ hội, du khách sẽ thưởng thức cảm giác ngây ngất trong men say của hương rượu, được thưởng thức hương vị ẩm thực đậm đà đặc trưng của người vùng cao, đó là bát thắng cố nóng hổi ăn cùng với mèn mén và bánh ngô nếp nướng đầu mùa. Ban đêm ngồi bên bếp lửa nghe tiếng sáo tỏ tình của các chàng trai người Dao, tiếng hát giao duyên của các đôi trai gái người Tày, người Nùng. Ban ngày ngồi bên gốc cây thông nghe tiếng khèn của các chàng trai Mông gọi bạn. Tất cả chắc chắn sẽ để lại trong lòng những ai đã từng lên Mèo Vạc, từng đến với Lễ hội Chợ tình Khau Vai, những dấu ấn không thể phai mờ và hy vọng sẽ còn đọng lại trong lòng mỗi du khách một mối tình với Mèo Vạc, với Khau Vai...

2.2.3. Lễ hội Cầu Mùa

Lễ hội Cầu Mùa của người Sán Chí (nhóm địa phương thuộc dân tộc Sán Chay) thường được diễn ra vào thời điểm trước hoặc sau tết Nguyên Đán hàng năm. Đây là một trong những lễ hội lớn của bà con Sán Chí thể hiện đậm đà bản sắc dân tộc.

Địa điểm tổ chức: xóm Đồng Tâm, xã Tứ Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Dân tộc Sán Chay (còn có các tên gọi: Sán Chí, Cao Lan, Mán Cao Lan, Hòn Bận...) cư trú chủ yếu ở các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Bắc Giang, Tuyên Quang...

Người Sán Chay gồm 2 nhóm phân biệt với nhau về ngôn ngữ: Nhóm Cao Lan gần gũi với ngôn ngữ Tày – Nùng và nhóm Sán Chí được xếp vào ngôn ngữ Tày – Thái. Người Sán Chay thờ tổ tiên là chính song cũng chịu nhiều ảnh hưởng của Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo.

Cầu Mùa là một trong những lễ hội lớn với nhiều nét văn hóa rất đặc trưng, độc đáo và truyền thống của người Sán Chí. Hình thức sinh hoạt văn hóa hấp dẫn nhất là “Sinh ca” thể hiện trong những bài hát giao duyên và các điệu múa “Tắc Xình” độc đáo cùng những điệu múa trống, múa chim gâu, múa đâm cá...

Trước khi diễn ra lễ hội, các phần việc đã chuẩn bị rất chu đáo. Bên ánh lửa bập bùng trong những ngôi nhà sàn nhỏ, các cụ già trong xóm quây quần bàn bạc phân công nhiệm vụ và chuẩn bị trang phục. Cánh trai trẻ thì tập trung vót tên nỏ và chuẩn bị dép guốc cho ngày hội, còn các cô gái thì cần mẫn, ríu rít ngồi khâu còn, đan yên (để đá cầu) và làm bánh phục vụ cho lễ hội...

Sáng ngày hội mọi người dậy sớm hơn thường lệ, bên bếp lửa, các gia đình luộc bánh, thổi xôi (ngũ sắc) thịt gà... mang lên đình để góp lễ và không quên dành một phần để đãi khách thăm nhà mình.

Trong các ngõ xóm nhiều tiếng gọi nhau rồi từng tốp từng đoàn đến với lễ hội. Những cô gái Sán Chí đẹp như những đóa hoa rừng, nổi bật trong các bộ trang phục áo dài truyền thống, trên dây thắt lưng ngang bụng có đeo một con dao nhỏ có vỏ bọc bằng gỗ trạm trổ tinh vi và 2 đến 3 chiếc thắt lưng bằng lụa

nhiều màu, tô điểm cho không gian thêm tươi tắn lộng lẫy.

Phần lễ: khi thôn làng nổi trống thì các gia đình mang lễ vật góp lại, bày biện cho đẹp rồi cùng rước lễ lên đình và đèn thờ thổ công. Các chính chủ thì quỳ trước đình làng với tư thế trang nghiêm. Thầy mo làng trong trang phục áo lễ màu đen, đội khăn vấn, chân đi guốc mộc bắt đầu cúi lạy, cầu khẩn và hành lễ, cầu xin cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, bội thu, con cháu học hành thành đạt, nhà nhà no đủ. Cầu mong mọi sự bình yên, mọi người thi đua bảo vệ rừng, phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống ấm no, yên bình, muôn loài được sinh sôi nảy nở...

Khi tiếng trống được đánh liên tục là lúc chủ lễ xin âm dương, khi xin được âm dương cũng là lúc hồi trống kết thúc phần lễ.

Phần hội: sau hồi trống khai hội, màn trình diễn múa lân mở đầu gọi nên không khí sôi nổi, hào hùng. Màn múa lân kết thúc sau ba hồi trống. Tiếp đến là điệu múa Tắc xình. Đây được xem là phần biểu diễn sôi động nhất với số người tham gia đông nhất. Trong màn biểu diễn này, sẽ có 16 nam thanh nữ tú trong trang phục lễ hội truyền thống và 8 người chơi nhạc cụ dân tộc trống, kèn và gõ những ống nứa to nhỏ, dài ngắn khác nhau rất dân dã và độc đáo tạo ra những âm thanh lúc trầm, lúc bổng, lúc khoan lúc nhặt giữ nhịp cho điệu nhảy.

Khi tốp múa một tay dùng thanh tre già gõ vào ống mai tạo ra âm thanh rất đanh tặc tặc thì tay kia cũng giống mạnh ống giang tạo nên tiếng xịch đục trầm: Tắc tắc xịch; tắc tắc xịch; tắc tắc xịch-tắc xịch-tắc xịch... theo những âm thanh này người tham gia tốp múa thực hiện động hình múa mô phỏng động tác phát nương, vơ cỏ, tra hạt, gặt hái, đứng gõ chày tay và mô phỏng sự ngưỡng mộ thần linh.

Khi điệu nhảy lên mức cao trào, thanh niên nam nữ ở các thôn, xã khác cũng hòa vào dòng nhảy tạo nên không khí hết sức.

Do những biến đổi của cuộc sống trong điệu Tắc xình của người Sán Chí Thái nguyên có cả phụ nữ tham dự. Một số động tác múa hiện đại cũng được đưa vào cho điệu múa thêm phong phú và đa dạng.

Anh Nguyễn Hải Bình - cán bộ Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Phú Lương cho biết: Trước đây, trong những lễ hội nguyên sơ, để làm trống, người Sán Chí thường đào sâu xuống đất khoảng 60cm với đường kính đáy rộng 50cm và miệng trống khoảng 20cm. Sau đó lấy vỏ cây gõ treo bịt lên miệng hố, dùng một loại dây rừng thật dai căng dài trên mặt đất. Dùng một nhánh cây nhỏ chống dây cho căng lên miệng trống và gõ vào dây là đã tạo ra được những tiếng âm vang rất đặc biệt. Còn các ống nứa sẽ được cắt theo các độ dài ngắn khác nhau rồi gõ vào nhau tạo nên tiếng nhạc.

Sau phần múa “Tắc xình” độc đáo sôi động, là phần hát “Sinh ca” phong phú, hấp dẫn, thể hiện ước vọng, tình yêu đôi lứa, ca ngợi vẻ đẹp làng quê.

Một cụ bà dân tộc Sán Chí, người dày công lưu truyền các làn điệu của dân tộc Sán Chay đến dự cũng hát tặng hội một bài. Tiết mục độc đáo được khán giả vỗ tay cổ vũ nhiệt liệt, thể hiện rõ khát vọng lưu giữ truyền thống văn hóa đặc sắc của dân tộc Sán Chay.

Chị Hoàng Thị Hằng đội trưởng đội văn nghệ của bản, người có đóng góp rất lớn trong việc sưu tầm, biên soạn, hướng dẫn lớp trẻ các làn điệu “Sinh ca” của dân tộc mình đã hát tặng hội làng bài hát tự biên, lời mới theo thể “Sinh ca”, ca ngợi công cuộc đổi mới của Đảng về những đổi thay ngay tại làng bản. Kết thúc phần hát bà con dân bản, còn có hình thức như đi diễu hành do các thầy mo, những thầy phụ lễ cầm những nhạc cụ và những người có uy tín cùng các nam thanh nữ tú đi vòng quanh trên sân khấu thể hiện tinh thần đoàn kết gắn bó tình làng nghĩa xóm của bản làng.

Sau khi kết thúc phần múa lân và múa Tắc xình, hát “Sinh ca” là trò chơi tung còn thu hút được sự tham gia đông đảo của cả làng. Cây còn cao 12m tượng trưng cho 12 tháng trong năm. Dân làng thi nhau tung quả còn vào đúng vòng tròn thủng để gặp may mắn trong suốt năm tới.

Cũng lúc này, hàng loạt các trò chơi như bắn nỏ, đánh yên, cờ người, cầu trượt, kéo co... diễn ra trên khắp các khu vực của sân làng. Sau phần trò chơi và văn nghệ cả ngày trên sân, đêm đến là chương trình văn nghệ chọn lọc do thanh

niên trong làng đảm nhiệm. Đây chính là dịp để các nam thanh nữ tú giao lưu với nhau qua những bài hát ví, hát dân ca. Đây là cơ hội tốt cho nam nữ hẹn hò, gặp gỡ...

So với lễ hội Cầu Mùa của người Tày, ngoài những trò chơi truyền thống của các dân tộc khu vực Việt Bắc đó là tung còn, kéo co... người Sán Chí có nét riêng trong lễ hội, đó là họ có điệu múa “Tắc xình”, hát “Sinh ca” đây là một trong những nét sinh hoạt văn hóa từ lâu đời đang được gìn giữ và phát huy trong lễ hội.

Đến với khu vực Việt Bắc du khách sẽ được tìm hiểu về lễ hội Cầu Mùa của người Tày và người Dao, sự giống nhau trong các lễ hội này đó là ước vọng của người dân cầu mong mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, con người có cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Nhưng đến với lễ hội của người Tày, khách du lịch sẽ được tham gia cùng người dân vào trò chơi hết sức độc đáo đó là trò “bắt trạch trong chum”. Đây là trò do một đôi trai gái thực hiện, khi bắt được trạch sẽ dâng lên kiệu Thành Hoàng Làng. Người dân tin rằng thời gian bắt trạch càng nhanh thì dân làng sẽ gặp nhiều may mắn hơn. Ngoài ra còn có các tích trò tái hiện cảnh sinh hoạt của người nông dân như: cày bừa, bắt tôm cá... và cả những tích trò mang tính chất giáo dục nhân văn sâu sắc như: Thầy đồ dạy học, làm then tìm vợ, bán thuốc nam...

Có thể nói trò chơi dân gian là một yếu tố thu hút khách du lịch, người dân đến và tham gia một cách đông đảo hơn, đến với lễ hội du khách được tham gia vào các trò chơi, các hoạt động tái hiện cảnh sinh hoạt của người nông dân... tất cả những điều đó làm cho du khách hiểu thêm về truyền thống của dân tộc và nét đẹp của văn hóa tâm linh.

2.2.4. Lễ hội Lồng Tồng

“Áo em thêu chỉ biếc hồng

Mùa xuân ngày hội Lồng Tồng thêm vui”

Hơn nửa thế kỷ qua, câu thơ của Tố Hữu đã có đời sống riêng của nó trong nhiều thế hệ người đọc và Lễ hội Lồng Tồng của đồng bào các dân tộc

miền núi phía Bắc đã đi vào thơ ca như là lễ hội văn hóa tiêu biểu mỗi dịp xuân về.

Lồng Tồng (còn gọi là lồng tồng theo tiếng Tày – Nùng, hay lồng tộng theo tiếng Dao), có nghĩa là “xuống đồng”. Cũng như người Việt, từ xa xưa, đồng bào miền núi phía bắc, đã luôn sinh sống gắn bó với tự nhiên. bản làng, núi đồi, ruộng đồng, nương rẫy trở thành “bạn đồng hành” của họ và đến hôm nay, nhiều tập quán và phong tục, nhiều ứng xử với thế giới xung quanh vẫn còn mang đậm nét truyền thống xưa kia. Xét về văn hóa, phải nói rằng nền văn hóa của các dân tộc miền núi phía bắc đã phát triển khá cao.

Và Lễ hội Lồng Tồng – lễ hội quan trọng bậc nhất vào dịp đầu năm mới, gắn liền với nền nông nghiệp trồng chọt, được tổ chức nhằm gửi gắm những mong ước của con người, cầu cho mưa thuận gió hòa, cây lúa dưới ruộng, củ sắn trên nương luôn luôn tốt tươi, mang lại thật nhiều no ấm, là một biểu hiện sinh động của nền văn hóa phong phú, đa dạng giàu bản sắc.

Lễ hội Lồng Tồng là một lễ hội của đồng bào dân tộc Tày, cũng là nét quy tụ những sắc thái văn hóa đặc trưng nhất của các dân tộc như: Nùng, Dao, Sán Chí... Vẫn chưa có tài liệu nào nghiên cứu, khẳng định lễ hội này có từ bao giờ. Nhưng chắc chắn rằng, khởi nguồn của lễ hội phải được sinh ra từ xã hội của người Tày khi đã sống thành làng bản quần cư.

Thời điểm sau tết Nguyên Đán là nơi diễn ra lễ hội Lồng Tồng ở các tỉnh khu vực Việt Bắc, có thể kể đến:

Lễ hội Lồng Tồng diễn ra vào ngày mùng 10 tháng Giêng, tại chân núi Bó Lù, thuộc xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Lễ hội Lồng Tồng của làng Khòn Lèng, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, được tổ chức vào ngày 16 tháng Giêng.

Hay tại khu di tích ATK thuộc thôn Đèo De, xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, diễn ra Lễ hội Lồng Tồng vào ngày mùng 10 tháng Giêng.

Trong không khí vui xuân, hàng vạn đồng bào các dân tộc tỉnh Tuyên

Quang và du khách nô nức về trung tâm huyện Chiêm Hóa – Tuyên Quang để tham dự lễ hội Lồng Tồng ngày mùng 8 tháng Giêng.

Ngoài ra còn rất nhiều nơi khác tổ chức lễ hội.

** Lễ hội xưa:*

Theo lời kể của nhà văn Ma Trường Nguyên, dân tộc Tày, thì lễ hội Lồng Tồng xưa kia có rất nhiều nghi thức và thành phần lễ hội sinh động.

Những người cao niên kể lại rằng, trước đây người Tày năm nào cũng tổ chức lễ hội ở những đám ruộng to nhất, đẹp nhất do dân bản chọn. Ngày tổ chức do từng nơi ấn định cho phù hợp.

Các địa phương ở gần nhau thì thỏa thuận chọn các ngày khác nhau để có điều kiện giao lưu. Trước ngày hội, các gia đình đều quét dọn nhà cửa, xóm bản sạch sẽ, chuẩn bị lương thực để đón khách. Khách đến quê dù quen, dù lạ đều được đồng bào mời về nhà ăn nghỉ qua đêm chờ dự hội.

Trong ngày diễn ra lễ hội, phần lễ và phần hội đều diễn ra trang trọng, vui tươi.

Phần lễ: là hoạt động tín ngưỡng cầu trời cho mưa thuận gió hòa, cây cối tốt tươi, mùa màng bội thu, đời sống ấm no.

Để chuẩn bị lễ ở ngoài đồng, mỗi gia đình chuẩn bị một mâm cỗ theo khả năng, có nhiều nhà làm từ vài chục đến vài trăm món. Việc làm cỗ còn mang hàm ý phô bày một cách kín đáo sự khéo léo của người phụ nữ trong việc nội trợ, nấu nướng các món ăn truyền thống như bánh chưng, bánh dày, chè lam, bánh bồng... Có những gia đình dâng mâm cao đến 5 tầng lễ vật, ngoài các loại bánh kẹo còn có các món ăn được chế biến công phu, trên mỗi mâm đều có một chiếc bánh hình bông hoa nhiều màu sắc. Mỗi mâm cỗ còn có thêm hai đôi quả còn được làm bằng vải màu, trong nhồi cát, bông, có tua rua nhiều màu sắc sặc sỡ.

Người ta làm giàn cúng ở ngoài đồng, lễ vật chung của bản đặt ở trên giàn cúng gồm bát nước, một đĩa xôi đỏ, một đĩa xôi vàng (xôi đỏ biểu trưng của mặt trời, xôi vàng biểu trưng của mặt trăng), con gà luộc, xôi cá nướng, bát tiết luộc, một con dao nhọn, một bó vải mới dệt, hai con cá bằng giấy màu vàng, hai con chim cú bằng giấy màu đỏ, hai chùm hoa bằng bông gạo cắm trên bẹ chuối, hai

chùm quả của cây dong riềng (cây bồ đào, quả tượng trưng cho hạt gạo) tiếp theo hai bên lễ vật cúng của thầy mo được đặt lễ vật của dân bản.

Mọi người đứng vòng tròn quanh mâm cúng, một hồi chiêng vang lên, những nén hương được thắp, thầy mo đọc bài khấn và thực hiện các nghi thức cầu cúng, lễ tạ thiên địa, cầu thần Nông, thần Phục Hy, Sơn thần, Thủy thần (những vị thần chi phối việc trồng trúa) và Thành hoàng (vị thần bảo hộ cho dân làng). Nội dung bài cúng cầu mong lúa tốt như: cỏ lau cỏ lác, hạt to như quả dong riềng, không bị sâu cắn phá, cá nằm chật suối, chật ao, trâu lợn đầy đàn, gà vịt đầy sân, người người khỏe mạnh, nhà nhà đông con, bản có nhiều trẻ nhỏ, không có người ốm đau... Cúng xong, thầy mo tay cầm bát nước tay kia cầm dao lia bốn lần trên bát nước, cắt ngang dọc theo bốn phương tám hướng. Thầy mo ngâm nước phun theo các phương, tay cầm bạc trắng vẩy bốn hướng.

Khi bài cúng chấm dứt, thầy mo dẫn đầu đoàn người xuống đồng, giúp một thanh niên khỏe mạnh cày những đường cày đầu tiên mở đầu cho một mùa sản xuất mới trước sự chứng kiến của đông đảo dân làng. Theo suy nghĩ của dân tộc Tày, người được chọn để cày luống cày đầu tiên phải là người cày giỏi, có kinh nghiệm, con trâu đi cày cũng phải là con trâu khỏe mạnh.

Phần hội:

Sau phần nghi lễ là phần hội, được mở đầu bằng hội tung còn. Đây là hoạt động vui nhất, thu hút nhiều người tham gia nhất. Để chuẩn bị cho hội tung còn, ở giữa đám ruộng lớn được chọn làm địa điểm lễ hội, người ta dựng một cây mai cao từ 20 đến 30 cm làm cột. Trên đỉnh cột có uốn vòng tròn đường kính 50 đến 60 cm dán giấy hai bên, đề chữ Nhật - Nguyệt tượng trưng cho mặt trăng và mặt trời. Tung còn đòi hỏi cả sức khỏe và sự khéo léo. Nếu ở lễ hội nào không có ai tung còn trúng vòng tròn thì dân bản không vui, vì theo quan niệm của họ, phải có người tung còn trúng vòng tròn làm rách giấy thì năm đó làm ăn mới thuận lợi, mưa thuận gió hòa.

Một điều thú vị nữa là khi các nam thanh nữ tú bắt được quả còn của nhau thì xem như đã được trời se duyên đôi lứa, bởi vậy, hội Lòng Tồng cũng là dịp

đề trai gái xa gần tìm hiểu nhau và bén duyên vợ chồng.

Sau hội tung còn là các trò chơi như đánh yến, đánh quay, kéo co, bịt mắt bắt dê, đi cà kheo, đẩy gậy... Lễ Lồng Tồng của người Tày còn có cuộc thi cày lúa trên mảnh ruộng nước đã được bừa ngấu từ trước. Thầy cúng cầm nắm thóc vãi xuống đất và rảy ít nước lên trời với lời khẩn cầu mong cuộc sống no đủ, hạnh phúc cho dân bản. Đây cũng là một trong những nghi lễ chính của lễ hội, phản ánh rõ nét nhất lễ tiết.

Đặc biệt, đêm về, nam nữ thanh niên thi hát lượn đối đáp suốt canh dài...

Lễ hội Lồng Tồng ngày nay, ngoài phần lễ với mong muốn cầu cho mưa thuận gió hòa, cuộc sống ấm no, thì ở phần hội có nhiều thay đổi. Bên cạnh các hoạt động tung còn, kéo co, bịt mắt bắt dê... còn có các trò chơi hiện đại khác như “chiếc nón kỳ diệu”, “tôm cua cá”... thực chất đây là hình thức đờ đen, ở những lễ hội truyền thống không nên có những trò chơi này. Mà các trò chơi dân gian xưa dần bị quên lãng đi cà kheo, đánh yến, đánh quay, đẩy gậy, bắn nỏ, thi hát đối đáp nên được khôi phục và phát triển.

Một điều rất mới nữa là bà con đi hội không chỉ để chơi, mà còn để bán những nông sản do nhà mình tự làm ra, khiến hội Lồng Tồng có màu sắc của chợ nông sản, du khách thích thú với những chiếc giỏ cá đan bằng trúc hình dẹt, măng tươi, măng đắng, bánh khảo, bánh gai...

**Lễ hội Lồng Tồng ngày nay :*

Diễn ra trong không gian rộng hơn, có thể ở sân vận động của trung tâm huyện (Chiêm Hóa - Tuyên Quang), hay ở một khu du lịch (ATK Định Hóa - Thái Nguyên)...

Người dân đến với lễ hội không chỉ ở cùng làng, cùng xã mà đã mở rộng ra tỉnh, thành phố khác thậm chí cả ở nước ngoài.

Dù có sự khác nhau đôi chút giữa xưa và nay, nhưng Lễ hội Lồng Tồng được xem là một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện khát vọng của người dân trong sự hòa hợp trời đất, âm dương, cầu mong cho cuộc sống khỏe mạnh, no đủ, vạn vật sinh sôi... Những trò chơi

trong lễ hội thể hiện nét đẹp tâm hồn phong phú, gắn với thiên nhiên, gắn với những tập tục văn hóa lâu đời của cư dân lúa nước. Lễ hội Lồng Tồng là một trong những nét văn hóa độc đáo của dân tộc Tày, góp phần làm phong phú kho tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam. Vì vậy Lễ hội Lồng Tồng cần phải được bảo tồn, duy trì và phát huy để gìn giữ những nét đẹp văn hóa truyền thống, những bản sắc dân tộc đặc trưng và lưu truyền cho đến mai sau.

2.2. MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH LỄ HỘI Ở VIỆT BẮC

- Việc tổ chức lễ hội đã được sự quan tâm của các cấp, các ngành, trong các lễ hội, các giá trị văn hóa, truyền thống luôn được giữ gìn, đảm bảo nội dung, hình thức.

- Lễ hội đã được tuyên truyền, quảng bá rộng rãi bằng nhiều hình thức, thu hút khách du lịch ở nhiều vùng miền thậm chí du khách nước ngoài đến với lễ hội để tìm hiểu, vui chơi, hòa mình vào không khí của lễ hội.

- Nhiều trò chơi độc đáo, hấp dẫn, mới lạ, có ý nghĩa thu hút được đông đảo mọi người đến lễ hội tham gia. Tuy nhiên lễ hội ngày nay nhiều trò chơi như: đẩy gậy, đi cà kheo, bịt mắt bắt dê, hát đối, hát then... đang dần bị quên lãng, thay vào đó là các trò chơi hiện đại xuất hiện ngày một nhiều tại lễ hội.

- Việt Bắc có rất nhiều tiềm năng du lịch, kể cả du lịch tự nhiên và nhân văn, đây là khu vực sinh sống của nhiều dân tộc, có đời sống tinh thần phong phú, nhiều lễ hội mang tính chất kì bí, nguyên sơ, đây là điểm khác biệt với lễ hội ở đồng bằng, hấp dẫn đối với khách du lịch. Nhưng tiềm năng đó chưa được phát huy. Một nhà báo đã nhận xét về lễ hội Lồng Tồng ở Ba Bể: “Trời về chiều, hội Lồng Tồng Ba Bể kết thúc giữa lúc người còn đông mà trò chơi thì đã cạn. Cầm quả còn nhồi bằng cát, trơ trọi một cái tua, thắt thêm hai cái nút bằng vải khác màu mà thấy nao lòng. Nó đâu còn là nơi gửi gắm các triết lý nhân sinh tinh tế của người xưa”

- Kinh phí tổ chức cho lễ hội cũng chưa được đầu tư đúng mức, ông Mạch Văn Biểu, Bí thư Đảng ủy xã Nam Mẫu (huyện Ba Bể) nơi diễn ra lễ hội Lồng Tồng cho biết: “những năm lễ hội do tỉnh và huyện trực tiếp tổ chức, nên quy

mô lớn, nội dung phong phú hơn, khách đến nhiều và ở lại lâu hơn. Nhưng năm nào do cấp xã tổ chức lượng khách đến chỉ được non nửa, lý do chính là người ta nghĩ hội do cấp xã tổ chức nên quy mô nhỏ, kém vui”. Một lễ hội danh tiếng như vậy mà kinh phí tổ chức do cấp xã bỏ ra vền vẹn 30 triệu đồng.

Thiết nghĩ, xưa kia lễ hội vừa là ngày để bày tỏ lòng quý trọng tự nhiên, lòng thành kính với tổ tiên, với người có công tích với cộng đồng để cầu mong sự phù hộ, vừa là ngày vui chơi của mọi người. Do vậy, các lễ hội truyền thống từ lúc sơ khởi đến khi hình thành, rồi ghi dấu ấn ổn định trong công chúng chính là ở tính đặc biệt của nghi lễ, ở sự độc đáo, phong phú, và hấp dẫn của các trò chơi, bên các hoạt động phụ trợ khác. Những năm gần đây, lễ hội truyền thống đã được tổ chức khá nhiều ở các địa phương. Trong một số điều cần bàn về lễ hội, thì sự đơn điệu trong cách thức tổ chức, sự lấn át của phương tiện và hình thức hoạt động hiện đại đối với các giá trị, hình thức hoạt động của văn hóa dân gian là điều rất nên bàn tới. Đó cũng là điều các cơ quan văn hóa cần quan tâm, để tạo ra nội dung, hình thức mới của lễ hội, vừa phù hợp với sự phát triển của cuộc sống hiện đại, đáp ứng nhu cầu vui chơi và giao lưu văn hóa của mọi người, vừa giữ gìn được bản sắc, nét đẹp truyền thống của các lễ hội.

TIỂU KẾT

Giới thiệu, mô tả một số lễ hội tiêu biểu ở Việt Bắc, với những nét đặc sắc của các lễ hội đó. Các nghi lễ, lễ thức biểu hiện cuộc sống sinh hoạt tinh thần phong phú của các dân tộc Việt Bắc. Các trò chơi dân gian có trong lễ hội, như: tung còn, kéo co, hát then, hát sinh ca... đây là trọng tâm cần khai thác của lễ hội để thu hút khách du lịch đến với lễ hội ngày một nhiều hơn

Có thể nói lễ hội ở Việt Bắc mang đậm những sắc màu văn hóa của các dân tộc sống ở miền núi phía Bắc Việt Nam. Các lễ hội ở đây vừa đa dạng, phong phú hấp dẫn, vừa chứa đựng những nét nhân văn sâu sắc.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH LỄ HỘI VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH LỄ HỘI Ở VIỆT BẮC

3.1. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH LỄ HỘI

Việt Bắc là địa danh nổi tiếng trong những năm kháng chiến chống pháp gian khổ của dân tộc ta, ngày nay Việt Bắc là điểm đến du lịch cho những ai thích khám phá thiên nhiên hùng vĩ, và văn hóa đặc trưng của đồng bào các dân tộc nơi đây.

3.1.1. Thực trạng về khả năng thu hút khách và doanh thu

Năm 2009 là một năm còn nhiều khó khăn, thách thức đối với ngành du lịch do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế. Nhưng, với sự quan tâm, đầu tư của các ngành, các cấp, với những ưu thế đặc biệt của vùng đất giàu tiềm năng du lịch hầu hết các tỉnh khu vực Việt Bắc đã gặt hái được những kết quả mong đợi.

- Số lượng khách du lịch:

Bảng thống kê tổng số khách du lịch đến các tỉnh Việt Bắc

Đơn vị: nghìn người

Tỉnh \ Năm	2007	2008	2009
Cao Bằng	680.000	900.000	1.200.000
Bắc Kạn	100.305	164.400	200.000
Lạng Sơn	400.000	650.000	800.000
Thái Nguyên	320.000	535.000	750.000
Tuyên Quang	183.000	315.000	490.000
Hà Giang	140.000	188.000	250.535

Nguồn: Sở VH TT và Du lịch các tỉnh

Theo thống kê của Sở VH TT và Du lịch của tỉnh Lạng Sơn trong hai tháng đầu năm 2010, số lượng khách đến Lạng Sơn đã mang lại doanh thu xã hội khoảng 62 tỷ đồng cho tỉnh.

Cũng trong 2 tháng đầu năm canh Dần, tỉnh Hà Giang đã đạt doanh thu từ du lịch 59,4 tỷ đồng, tăng 46 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Theo thống kê của Sở VH TT và Du lịch Tuyên Quang, năm 2009 Tuyên Quang đạt doanh thu du lịch là 200 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 2,2% so với năm 2008...

Kết quả trên cho thấy số lượng khách, và doanh thu từ du lịch ở các tỉnh khu vực Việt Bắc ngày một tăng, do các tỉnh đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch, có cơ chế, chính sách huy động và quản lý các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, từ các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế vào các dự án phát triển du lịch. Tăng cường thông tin về du lịch cho du khách qua nhiều hình thức như: biển chỉ dẫn, quảng cáo tấm lớn, hội nghị xúc tiến du lịch, đặc biệt là nâng cao nhận thức của nhân dân về việc bảo tồn di sản, làm trong sạch môi trường xã hội... làm cơ sở phát triển du lịch.

Với những tín hiệu khởi đầu tốt đẹp của một năm du lịch ở các tỉnh, cùng với sự đầu tư của các địa phương đối với ngành du lịch và sự nỗ lực của các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch, các Ban, Ngành, Sở Du lịch các tỉnh đang thiết thực chuẩn bị những điều kiện tốt nhất để khai thác một cách có hiệu quả các tiềm năng du lịch.

Bên cạnh những tín hiệu đáng vui mừng đó, có một thực trạng là hiện nay khách đến du lịch ở một số tỉnh như Tuyên Quang, Bắc Kạn, thời gian lưu trú ngắn, nguyên nhân của tình trạng này do cơ sở vật chất, các dịch vụ vui chơi giải trí chưa thu hút được du khách đây là một vấn đề mà ngành du lịch của các tỉnh cần quan tâm để kéo dài thời gian lưu trú của khách, tăng doanh thu du lịch.

3.1.2. Thực trạng về cơ sở vật chất kỹ thuật

- Cơ sở hạ tầng:

+ *Về giao thông:* Hệ thống giao thông của các tỉnh trong khu vực đã tương đối hoàn thiện với các tuyến giao thông trọng điểm bằng đường sắt, đường thủy và đường bộ.

Đường bộ với các tuyến đường: Quốc lộ 3 nối Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng, Quốc lộ 1A nối Hà Nội với Lạng Sơn, Quốc lộ 4 nối Quảng Ninh - Lạng Sơn - Cao Bằng. Quốc lộ 2 nối Hà Nội - Tuyên Quang Và Hà

Giang.

Hay các tuyến đường sắt Thái Nguyên - Hà Nội, Lạng Sơn - Hà Nội. Tuyến đường thủy từ Hà Nội lên Tuyên Quang trên sông Hồng và sông Lô, tuyến Đa Phúc (Thái Nguyên) - Hải Phòng 161 km, Đa Phúc - Quảng Ninh.

Nhìn chung hệ thống trục đường chính ở các tỉnh Việt Bắc đã có chất lượng tốt, đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch.

+ *Hệ thống điện*: ở trung tâm các tỉnh, thành phố trong khu vực, có hệ thống điện chất lượng tốt, rộng khắp, chỉ một số nơi vùng sâu xa, chưa có điện quốc gia. Trong vùng có thủy điện Na Hang trên sông Gâm Tuyên Quang được đầu tư xây dựng với công suất lớn. Các tỉnh phần đầu đưa điện về nơi vùng sâu, xa nhất để phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt, kinh doanh của người dân.

+ *Thông tin liên lạc*: hệ thống thông tin viễn thông kết nối toàn quốc và quốc tế, mạng truyền dẫn vững chắc bằng thiết bị viba và tổng đài điện tử kỹ thuật số. Hệ thống thông tin liên lạc phát triển đến tất cả các huyện và hầu hết các khu, điểm du lịch đáp ứng cho nhu cầu phát triển du lịch.

+ *Hệ thống nước*: Các thành phố, thị xã có nước sạch phục vụ cho nhân dân. Thị trấn, thị tứ đang dần được thực hiện đầu tư hệ thống nước sạch.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật

Đây là yếu tố rất quan trọng, nếu cơ sở vật chất kỹ thuật như nhà nghỉ, khách sạn, có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của khách, hệ thống các dịch vụ vui chơi giải trí đa dạng, phong phú sẽ kéo dài thời gian lưu trú của khách tại địa phương, tăng thêm lợi nhuận. Vì vậy đây là vấn đề luôn được ngành du lịch của các tỉnh quan tâm.

+ *Hệ thống các cơ sở lưu trú ăn uống*:

Hệ thống cơ sở lưu trú ăn uống ở các tỉnh khu vực Việt Bắc còn nghèo và thiếu. Vài năm gần đây đã được quan tâm đầu tư. Cơ sở lưu trú phát triển nhanh, tiêu biểu như tỉnh Bắc Kạn năm 2000 cả tỉnh chỉ có 36 cơ sở với 275 phòng, đến nay toàn tỉnh có 95 cơ sở lưu trú với 728 phòng buồng, có trên 1.300 giường, trong đó có 1 khách sạn có 86 phòng ngủ đạt tiêu chuẩn 3 sao. Hay ở tỉnh Hà

Giang, hiện nay có 98 cơ sở lưu trú, trong đó có 2 cơ sở đạt chuẩn 2 sao, 8 cơ sở đạt chuẩn 1 sao, còn lại 88 cơ sở đạt tiêu chuẩn nhà nghỉ du lịch, một số khách sạn đạt tiêu chuẩn 2 sao khách cũng đang được nhanh chóng xây dựng sắp đưa vào sử dụng. Ngoài ra ở một số tỉnh như Thái Nguyên, Cao Bằng, có hệ thống khách sạn tương đối tốt đạt tiêu chuẩn 2 đến 3 sao.

Tuy nhiên hệ thống cơ sở lưu trú và ăn uống ở các tỉnh Việt Bắc chỉ đáp ứng được nhu cầu sử dụng của khách vào mùa thấp điểm, nếu vào dịp lễ hội hay mùa du lịch tình trạng thiếu phòng vẫn xảy ra, dẫn đến hiện tượng “chặt chém” khách. Hệ thống nhà hàng khách sạn có chất lượng từ 3 sao trở lên có ít, không thu hút được đối tượng khách có khả năng chi trả lưu trú dài ngày tại các tỉnh.

+ Hệ thống cửa hàng bán đồ lưu niệm:

Tại các điểm du lịch ở các tỉnh hầu hết đều có các cửa hàng bán đồ lưu niệm phục vụ nhu cầu của khách. Vì thông thường tâm lý chung của mọi người khi đến một điểm du lịch nào đó thì đều có mong muốn mang về những kỷ niệm có liên quan đến nơi mà mình đã đặt chân, các cửa hàng bán đồ lưu niệm thường bán các mặt hàng đặc trưng của vùng như: áo có in tên của khu di tích, đồ thủ công mỹ nghệ, mây tre đan... Chẳng hạn như tại khu di tích lịch sử Tân Trào - Tuyên Quang, tại khu vực Bảo tàng Tân Trào, hay gần đến Lán Nà Lừa, có rất nhiều cửa hàng bán đồ lưu niệm với nhiều chủng loại như: quần áo thổ cẩm, áo phông, đều in tên khu di tích, các mặt hàng làm bằng tre, trúc, như ống sáo, đàn tre, nhà bằng tre, (mô phỏng lán Bác)... các đặc sản của địa phương như : chè, cơm lam, chè lam...

Tuy nhiên hệ thống các cửa hàng còn nhỏ lẻ, chưa được quản lý chặt chẽ chủ yếu mang tính tự phát. Bên cạnh đó các mặt hàng còn nghèo nàn chưa thật sự hấp dẫn đối với du khách, sản phẩm của các làng nghề truyền thống chưa thực sự có nhiều, chưa mang tính đặc sắc.

+ Các dịch vụ bổ sung khác:

Các dịch vụ như: chụp ảnh lưu niệm, Cafe, dịch vụ dò thuyền (đối với các điểm du lịch là hồ, sông), Karaoke... phát triển ngày một nhanh đáp ứng được

nhu cầu sử dụng của du khách, hệ thống các nhà hàng khách sạn cũng từng bước đa dạng hóa hệ thống dịch vụ như: xông hơi, châm cứu... giúp nâng cao và phục hồi sức khỏe cho khách.

3.1.3. Thực trạng đầu tư cho du lịch

Nhận thức được vai trò ngày càng lớn của ngành du lịch, các tỉnh Việt Bắc đã có những chiến lược đầu tư, xây dựng nhiều chương trình du lịch nhằm quảng bá hình ảnh của tỉnh đến với đông đảo du khách trong và ngoài nước.

Tại tỉnh Lạng Sơn, chính thức khởi động mùa du lịch lễ hội Xuân Xứ Lạng từ ngày mùng 10 tháng Giêng năm Canh Dần (23/2/2010) với nhiều tiết mục hoành tráng, đặc sắc, đến giữa tháng Giêng, các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú ăn uống hầu như đông nghẹt khách, nhất là dịp cuối tuần. Thời tiết khô, nắng cũng khiến cho lượng khách tăng đột biến. Có thể nhận rõ điều này thông qua hàng đoàn dài các xe ô tô ngoại tỉnh nối đuôi nhau trên các trục đường chính, các điểm tham quan nổi tiếng như quần thể Nhất, Nhị, Tam Thanh, Tô Thị vọng phu... Để mùa du lịch 2010 đạt hiệu quả mong muốn, các cấp, ngành chức năng của tỉnh, đặc biệt là Thành phố Lạng Sơn đã tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết, các đường phố chính được trang hoàng lộng lẫy, công tác đảm bảo an ninh trật tự được thực hiện tốt.

Ông Hoàng Văn Nghiệm, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn cho biết: năm 2010, ngành sẽ tiếp tục tham mưu với tỉnh tăng cường đầu tư cả về cơ sở vật chất đồng thời chủ động công tác đào tạo nâng cao năng lực nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ - nhân viên phục vụ trong toàn ngành, đẩy mạnh thực hiện chương trình xúc tiến du lịch. Bên cạnh đó, ngành tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ di sản văn hóa, lễ hội, biểu diễn nghệ thuật, quảng cáo, dịch vụ du lịch để tạo niềm tin, ấn tượng tốt đẹp với du khách.

Hoạt động du lịch tại tỉnh Hà Giang trong những năm gần đây được chú trọng đầu tư, tổ chức gặp mặt các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành trong và ngoài nước, gắn với công tác quảng bá đưa hình ảnh Hà Giang đến với du

khách... Đồng thời, Hà Giang đã nỗ lực trong việc tạo ra những đột phá mới thông qua việc cùng với các tỉnh khu vực vùng Tây Bắc ký kết hợp tác phát triển du lịch với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

Đặc biệt sự hợp tác phát triển du lịch 4 địa phương Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn. Sự kiện Lễ công bố năm du lịch của 4 tỉnh góp phần quảng bá mạnh mẽ cho những nỗ lực hội nhập của du lịch địa phương.

Tại các tỉnh đều tổ chức tuần lễ du lịch với các tên gọi như “Đến với xứ Tuyên”, tại tỉnh Tuyên Quang, hay tại Thái Nguyên được chọn làm năm du lịch quốc gia với khẩu hiệu “Về với thủ đô gió ngàn, chiến khu Việt Bắc”...

3.1.4. Thực trạng nguồn nhân lực và công tác tổ chức quản lý

- Nguồn nhân lực:

Nguồn lực này bao gồm cả cộng đồng dân cư địa phương và những người trực tiếp tham gia, phục vụ du lịch như nhân viên khách sạn, nhà hàng, nhân viên các công ty lữ hành, các cơ sở dịch vụ du lịch khác...

Thái độ của dân cư địa phương tại điểm du lịch chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như đặc điểm dân tộc, tôn giáo, địa bàn cư trú, đời sống kinh tế - xã hội, mức thu nhập và đặc biệt là do mức độ ảnh hưởng của hoạt động du lịch.

Dân cư của khu vực Việt Bắc nhìn chung trình độ còn nhiều hạn chế so với khu vực đồng bằng, do điều kiện sinh sống không tập trung mà phân tán, đặc biệt ở những vùng đồi núi đời sống sinh hoạt còn rất nhiều khó khăn, thu nhập thấp thiếu điện, đường, trường...

Tuy nhiên do có nhiều dân tộc sinh sống, nên đây là vùng có truyền thống văn hóa, với các tín ngưỡng, nghi thức sinh hoạt cộng đồng phong phú, nhiều lễ hội đặc sắc mang đậm nét của vùng cao.

Do điều kiện chưa phát triển bằng khu vực đồng bằng, nên đội ngũ nhân viên làm việc trong các công ty lữ hành, nhà hàng, khách sạn, có trình độ đại học còn ít, chủ yếu là những người được đào tạo qua trung cấp. Đây là hạn chế đối với du lịch Việt Bắc vì vai trò của những người làm trong ngành du lịch là rất quan trọng họ là những người am hiểu về mọi mặt, mọi lĩnh vực của cuộc

sống xã hội như tình hình kinh tế, chính trị, khoa học, văn hóa, nghệ thuật, luật pháp... họ là người giúp khách du lịch hiểu biết về phong tục tập quán, văn hóa của vùng địa phương, hơn nữa họ giúp khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế hiểu biết hơn về đất nước con người Việt Nam. Vì vậy các tỉnh Việt Bắc nên chú trọng hơn nữa đến việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong ngành du lịch.

Ở khu vực Việt Bắc các Công ty Lữ hành đều là công ty nhỏ, chưa có nhiều công ty lớn và hoạt động có quy mô, số lượng các công ty ít, thị xã Tuyên Quang là một ví dụ, cả khu vực thị xã chỉ có 3 công ty du lịch và công ty có thâm niên nhất mới thành lập năm 2008.

- Công tác tổ chức quản lý:

Thời gian diễn ra lễ hội, lượng khách sẽ đổ dồn về khu vực lễ hội và có số lượng tăng đột biến, để đảm bảo cho lễ hội được diễn ra đúng với kế hoạch và thành công, các tỉnh tổ chức lễ hội phải xây dựng kế hoạch, nội dung cụ thể.

Khi tổ chức lễ hội ở các địa phương, các tỉnh đã thành lập được ban tổ chức, có chương trình kế hoạch mở hội và có nội dung cụ thể, hạn chế được mê tín dị đoan, vệ sinh môi trường được đảm bảo trong những ngày diễn ra lễ hội, công tác an ninh trật tự được đảm bảo.

Tại Lễ hội Chợ tình Khau Vai, Ban tổ chức Lễ hội của huyện Mèo Vạc đã có sự chỉ đạo làm tốt công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, công tác vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, an toàn giao thông tại các điểm du lịch... Ở trung tâm Lễ hội Chợ tình Khau Vai đã có sự bố trí các khu vực trưng bày và bán các sản phẩm lưu niệm, khu vực lễ hội, giao lưu văn nghệ, khu ẩm thực một cách hợp lý nhằm tránh để tình trạng khách tập trung quá đông tại một địa điểm. Nơi vệ sinh công cộng cũng được xây dựng, bố trí thích hợp, đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường. Công tác tuyên truyền cho Lễ hội chợ tình đã được huyện Mèo Vạc quan tâm rất chu đáo. Việc chỉnh sửa, làm mới các cụm Pa nô tại các điểm trung tâm, các bản sơ đồ và truyền thuyết Khau Vai, bản đồ các điểm du lịch cộng đồng... đã được đầu tư.

Hay ở Lễ hội Chùa Tiên ở Lạng Sơn, công tác tổ chức quản lý tốt nên mặc

dù lượng khách đông, nhưng tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú không tăng giá phòng. Đối với dịch vụ ăn uống, giá cả có tăng nhưng không nhiều, chủ yếu là do lệ thuộc giá nguyên liệu đầu vào. Tình trạng “chật, chém” chủ yếu diễn ra ở các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ.

Bên cạnh vấn đề an ninh và an toàn của lễ hội, thì một yếu tố vô cùng quan trọng đó là yếu tố truyền thống, khi tổ chức phải biết khai thác các giá trị văn hóa của lễ hội, đặc biệt là các trò chơi dân gian xưa như: tung còn, đi cà kheo, đẩy gậy... phải tổ chức cho đông đảo nhân dân và du khách tham gia vào các trò chơi, như vậy người ta sẽ cảm thấy vui vẻ, hứng thú thấy được sức hấp dẫn của lễ hội ở các trò chơi truyền thống của đồng bào vùng cao.

Đối với những người yêu thích tìm hiểu và khám phá văn hóa của các dân tộc ở vùng cao thì các làn điệu hát Then, Sinh ca... là điểm hấp dẫn và mới mẻ.

Việc phát huy yếu tố cổ truyền trong lễ hội, đặc biệt là ở các trò chơi dân gian làm tăng thêm tính hấp dẫn, lôi cuốn và để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng du khách khi đến với lễ hội vùng cao.

3.2. GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH LỄ HỘI

3.2.1. Thuận lợi, khó khăn

Hoạt động du lịch lễ hội đang ngày càng thu hút được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các cấp các ngành, một mặt khôi phục các truyền thống văn hóa đang bị mai một, mặt khác đây là cơ hội để hoạt động kinh doanh du lịch lễ hội phát triển mạnh mẽ. Để loại hình này phát triển đúng hướng và tương xứng với tiềm năng của nó, đòi hỏi các nhà tổ chức lễ hội phải điều hành, quản lý lễ hội chu đáo, nghiêm túc, khách quan, khoa học, đồng thời các nhà khai thác lễ hội phải tôn trọng và tuân thủ những nguyên tắc đã đề ra. Việc phát triển loại hình du lịch lễ hội bên cạnh những thuận lợi cũng gặp nhiều khó khăn.

- Thuận lợi:

Hiện nay tại khu vực Việt Bắc việc tổ chức lễ hội đã được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo trung ương và các ngành địa phương, thành lập các Ban tổ chức của lễ hội, xây dựng các chương trình lễ hội trọng điểm để thu hút

du khách. Nghiên cứu các lễ hội và ảnh hưởng của nó đến đời sống của nhân dân.

Việc quảng bá hình ảnh giới thiệu về lễ hội ngày càng mạnh mẽ với các hình thức quảng cáo như: Internet, báo chí, truyền hình, băng đĩa VCD...

Các địa phương tổ chức lễ hội tương đối tốt, đáp ứng được nhu cầu ăn nghỉ của du khách, nâng cấp tu sửa hệ thống đường xá, các dịch vụ lưu trú ăn uống.

Khi lễ hội diễn ra, việc tổ chức tour tuyến để du khách đến được với lễ hội của các doanh nghiệp lữ hành, góp phần đáng kể vào việc tăng lượng khách đến với lễ hội.

Việt Bắc là khu vực có sự đa dạng về tài nguyên du lịch, bên cạnh tài nguyên du lịch nhân văn, vùng còn có rất nhiều điểm du lịch tự nhiên như: Vườn Quốc gia Ba Bể, Cao nguyên đá Đồng Văn, Thác Bản Giốc...

Đây là điều kiện thuận lợi cho vùng phát triển hoạt động du lịch như thể thao, thám hiểm, du lịch cộng đồng....

Hoạt động du lịch góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân nơi tổ chức lễ hội, doanh thu từ du lịch đóng góp một phần quan trọng vào việc xây dựng các công trình phục vụ người dân như cơ sở vật chất kỹ thuật, các công trình giao thông, nhà văn hóa, trạm y tế... tạo điều kiện thuận lợi cho người dân sinh hoạt và giao lưu với các vùng lân cận.

- Khó khăn:

Những năm gần đây lượng khách đến du lịch ở các tỉnh Việt Bắc ngày một gia tăng, công tác tổ chức quản lý, bảo tồn, tôn tạo các lễ hội truyền thống, các di tích lịch sử văn hóa đã tốt hơn. Tuy nhiên hoạt động du lịch ở các đây vẫn gặp nhiều khó khăn.

Các dịch vụ phục vụ khách ở các tỉnh dù đã được đầu tư, nâng cấp nhưng về cơ bản vẫn còn yếu và thiếu, chưa có nhiều cơ sở lưu trú có chất lượng cao. Chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của khách, nhất là trong những dịp diễn ra lễ hội, các sự kiện du lịch...

Sự liên kết, hợp tác giữa các cơ sở kinh doanh du lịch và các cơ quan quản lý chưa chặt chẽ.

Do đặc thù của lễ hội các nhà tổ chức, quản lý không dễ điều phối kiểm soát các đối tượng khách khác nhau, nên dẫn đến hiện tượng móc túi, lừa đảo khách du lịch... gây phiền toái đến khách, ảnh hưởng xấu đến hoạt động lễ hội.

Khó khăn lớn nhất trong dịp lễ hội đó là sự chênh lệch giữa cung và cầu, số lượng khách tập trung tại một điểm quá lớn, việc cung cấp các dịch vụ du lịch sẽ không được tốt, bên cạnh đó tình trạng “chật, chém” của các cơ sở nhỏ lẻ là chuyện đương nhiên xảy ra, với tâm lý cả năm mới có một ngày lễ hội. Đây là một vấn đề cần giải quyết của ban tổ chức.

Để hoạt động du lịch ở khu vực Việt Bắc phát triển mạnh mẽ, thu hút được nhiều du khách hơn nữa, mỗi tỉnh phải có chính sách quản lý, tổ chức phù hợp, phát huy những lợi thế, khắc phục khó khăn để đưa du lịch thành ngành mũi nhọn, đem lại thu nhập lớn cho ngân sách của địa phương và đất nước.

3.2.2. Định hướng phát triển

- Phát triển du lịch phải đi đôi với việc đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất cho các khu, điểm du lịch, tôn tạo trùng tu di tích. Xây dựng hệ thống điện, đường, hệ thống thông tin liên lạc

- Khai thác thế mạnh của tự nhiên, các tỉnh Việt Bắc đòi núi chiếm diện tích lớn, có nhiều núi cao, đây là lợi thế để phát triển các loại hình du lịch như thể thao, thám hiểm, du lịch sinh thái...

- Khu vực có nhiều dân tộc sinh sống, điều kiện thuận lợi phát triển du lịch cộng đồng để du khách đến với các làng bản, tìm hiểu đời sống sinh hoạt, văn hóa của người dân.

- Gắn kết các di tích văn hóa, lịch sử và những lễ hội văn hóa truyền thống, tổ chức lễ hội ở những điểm du lịch, điểm di tích.

- Trong các lễ hội thì công tác đón tiếp khách cần được quan tâm chu đáo, cần có đội ngũ cán bộ biết tổ chức các nghi lễ trong lễ hội một cách trang nghiêm, đúng quy định. Cần có đội ngũ thật sự năng động để quản lý tốt các trò

chơi trong lễ hội.

- Ban quản lý lễ hội cần phối hợp công an, bảo vệ địa phương đảm bảo an ninh cho khách du lịch đến với lễ hội. Quản lý tốt nơi gửi xe cho khách, vé tham quan...

- Các dịch vụ bổ sung, phải được đầu tư, tạo sự hấp dẫn, hợp lý để thu hút khách du lịch, đáp ứng nhu cầu của khách.

- Giáo dục ý thức của người dân, đặc biệt là người dân địa phương đối với hoạt động du lịch.

Để phát triển du lịch, đặc biệt hoạt động du lịch văn hóa, đòi hỏi sự đầu tư quan tâm của các cấp, các ngành, sự hợp tác của các cơ sở dịch vụ lưu trú...

3.2.3. Những giải pháp

3.2.3.1. Nâng cao công tác tổ chức quản lý

Để hoạt động du lịch thực sự phát triển và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đòi hỏi các cấp, các ngành có sự quản lý chặt chẽ, chính xác, khoa học. Nếu công tác tổ chức quản lý không được tốt, các cơ quan có chức năng không có chính sách đầu tư hợp lý, hiệu quả thì hoạt động du lịch cũng không thể phát triển được. Vì vậy chính sách phát triển du lịch là một trong những điều kiện chung ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch.

Việc phát triển du lịch phải song hành với hoàn thiện cơ chế, chính sách để có những định hướng trong việc khai thác, quản lý và các hoạt động hỗ trợ thúc đẩy cho du lịch phát triển.

Xây dựng và hình thành được những điểm du lịch, kết hợp với kinh doanh thương mại dịch vụ đáp ứng yêu cầu điều kiện thực tế của địa phương.

Xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý trong ngành du lịch hội đủ những yếu tố: kinh nghiệm, nhiệt tình, giỏi chuyên môn nghiệp vụ, có hiểu biết về du lịch và kinh doanh du lịch. Như vậy việc kinh doanh du lịch cũng như khai thác tài nguyên du lịch ở các tỉnh khu vực Việt Bắc mới đem lại hiệu quả cao.

Hoạt động du lịch lễ hội cần phải có những con người thực sự có năng lực, yêu nghề, hiểu biết về văn hóa địa phương, đặc biệt nhất là văn hóa làng

xã... phải có tinh thần trách nhiệm cao, thích tìm hiểu và khám phá phong tục tập quán của các vùng, địa phương, các dân tộc trên đất nước Việt Nam. Sự nhiệt huyết, lòng yêu nghề, ham học hỏi... các yếu tố đó sẽ thúc đẩy con người hoạt động có hiệu quả, có chất lượng đối với công việc. Vì thế, đòi hỏi công tác tuyển dụng cán bộ trong ngành du lịch của địa phương phải chặt chẽ và nghiêm túc, tìm được những cán bộ có trách nhiệm, năng lực, du lịch của tỉnh đó nhất định có bước phát triển, công tác tổ chức lễ hội sẽ được tổ chức tốt, thu hút đông đảo khách du lịch, mang lại doanh thu cao.

Hiện nay các tỉnh đều có Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, là cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh như: công tác quản lý điều hành và tổ chức thực hiện các sự kiện văn hóa, du lịch, lễ hội...

Trên địa bàn các tỉnh đều có các công ty hoạt động du lịch, với các dịch vụ: lưu trú, ăn uống, vận chuyển khách. Tuy nhiên hoạt động của các doanh nghiệp này còn nhỏ, lẻ, yếu kém chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

Các tỉnh trong khu vực Việt Bắc hiện nay hệ thống nhà nghỉ, khách sạn đã được đầu tư xây dựng và có chất lượng tốt hơn, nhưng vẫn chưa thực sự phát triển, hoạt động còn kém hiệu quả.

Việt Bắc là khu vực giàu tài nguyên du lịch kể cả tự nhiên và nhân văn, nhưng nó vẫn chưa được khai thác hết. Đòi hỏi chính quyền địa phương, các cấp các ngành có chính sách phát triển để du lịch của các tỉnh ngày càng tiến xa hơn nữa, trở thành điểm du lịch hấp dẫn với du khách trong và ngoài nước. Phát triển du lịch, nhưng phải quán triệt quan điểm “Phát triển du lịch bền vững” hạn chế tác động tiêu cực, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên, phục hồi tôn tạo, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống... thỏa mãn nhu cầu hôm nay nhưng không ảnh hưởng đến mai sau.

Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các nhà đầu tư phát triển du lịch.

Quản lý và tổ chức hoạt động du lịch nói chung, có chất lượng, hiệu quả sẽ đem lại doanh thu cho ngành du lịch, tổ chức tốt du lịch lễ hội góp phần vào

việc giữ gìn bản sắc văn hoá Việt Nam hàng nghìn năm nay.

3.2.3.2. Khai thác và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống

Quán triệt quan điểm “Phát triển du lịch bền vững” , phát triển đi đôi với việc bảo tồn, tôn tạo, tài nguyên du lịch nhân văn một cách hợp lý, đặc biệt là các di sản phi vật thể gắn liền với các lễ hội. Nếu không được gìn giữ, các yếu tố truyền thống trong lễ hội sẽ dần bị mai một, và đến một ngày nào đó nó sẽ không còn tồn tại nữa. Như vậy lễ hội cổ truyền sẽ bị mất đi giá trị. Đặc biệt với lễ hội của các dân tộc, vấn đề bảo tồn càng mang ý nghĩa quan trọng.

Trong thời gian diễn ra lễ hội, công tác bảo tồn phải được quan tâm hơn nữa, vì lúc này lượng khách rất đông, các giá trị văn hóa, lịch sử dễ bị xâm phạm nhất, cần có các biển, băng zôn khẩu ngữ mang tính giáo dục cho khu khách bảo vệ môi trường, bảo vệ các giá trị văn hóa vật thể, chẳng hạn như: “*Bạn không để lại gì ngoài những bước chân, Bạn không lấy đi những gì ngoài những bức ảnh đẹp, Bạn không giết gì ngoài thời gian*”

Tổ chức lễ hội, ngoài việc đem lại những giây phút nghỉ ngơi giải trí, đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân, còn phải hướng dẫn, phổ biến rộng rãi về nguồn gốc, nội dung các giá trị truyền thống tiêu biểu, độc đáo của lễ hội, phục dựng những nghi thức lễ hội truyền thống. Ý nghĩa, nguồn gốc sinh ra lễ hội, ca ngợi một vị anh hùng dân tộc, một câu chuyện tình yêu, hoặc xuất phát từ mong muốn có cuộc sống ấm no hạnh phúc... giúp cho du khách hiểu về lễ hội nhanh chóng và dễ dàng hơn thông qua việc phục dựng những nghi thức trong lễ hội. Từ đó sẽ hiểu hơn về lễ hội về văn hóa tín ngưỡng của vùng miền hay của dân tộc nào đó.

Các nghi thức, lễ nghi, các trò chơi dân gian trong lễ hội phải mang tính truyền thống, thu hút đông đảo người dân tham gia. Mỗi trò chơi đều mang một ý nghĩa riêng, có thể là mô phỏng hành động bắt cá, phát nương, săn bắn... thể hiện sự đa dạng trong đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Tổ chức lễ hội truyền thống, một mặt khai thác các giá trị văn hóa, một mặt phải bảo tồn gìn giữ để lễ hội luôn giữ được các yếu tố cổ xưa trong nó.

3.2.3.3. Tuyên truyền quảng bá cho du lịch lễ hội

Là khu vực có tiềm năng và thế mạnh để phát triển du lịch, nhưng để thu hút được đông đảo số lượng khách du lịch đến với Việt Bắc thì phải đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền quảng bá, tiếp thị cho du lịch lễ hội. Chiến lược này cần phải được tiến hành một cách đồng nhất, khoa học, và chuyên nghiệp thì mới đem lại hiệu quả cao.

Công việc đầu tiên là xác định nguồn khách để xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển, mở rộng thị trường du lịch đến các địa phương trong cả nước. Xác định được thị trường khách sẽ có chương trình quảng cáo phù hợp và hoàn thiện.

Xác định được sản phẩm đặc trưng, xây dựng được những hình ảnh riêng có cho sản phẩm của mình và phải giới thiệu được những hình ảnh đó đến du khách, tạo cho họ có ấn tượng tốt đẹp về du lịch văn hóa tâm linh.

Biên soạn và phát hành các ấn phẩm có chất lượng và chính xác như tờ rơi, tập gấp, sách mỏng, đĩa CD, VCD, sách báo... giới thiệu tổng quát về lễ hội, ý nghĩa của lễ hội, các hoạt động đặc sắc sẽ diễn ra trong lễ hội... bên cạnh đó là những thông tin cần thiết cho khách như điểm lưu trú, ăn uống, dịch vụ vui chơi giải trí... Những ấn phẩm này cần được thiết kế đẹp mắt, thông tin ngắn gọn và được phát hành miễn phí ở các điểm thuận lợi trong giao dịch.

Quảng bá du lịch qua Internet là hình thức hiện đại và phổ biến hiện nay, giúp cho khách tìm hiểu về lễ hội du lịch, điểm du lịch, và mọi thông tin liên quan được dễ dàng và nhanh chóng, tiết kiệm được thời gian và chi phí. Đây là hình thức quảng cáo được ưa chuộng trong thời đại ngày nay.

Tham gia hội chợ du lịch: đây là cơ hội quảng bá sản phẩm du lịch của mình với khách hàng thông qua việc phát hành những bưu ảnh, bản đồ, tập bưu ảnh... cơ hội để học hỏi kinh nghiệm xây dựng của các công ty du lịch đến từ các tỉnh, địa phương, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Hoạt động du lịch lễ hội ở cần được quảng bá, tuyên truyền mạnh mẽ đem thông tin đến cho người dân một cách nhanh chóng, để cho khách tìm hiểu về lễ hội được thuận tiện nhất.

3.2.3.4. Xây dựng các dịch vụ bổ sung

Song song với hoạt động tuyên truyền quảng bá, xây dựng cơ sở vật chất cho lễ hội, việc xây dựng các dịch vụ vui chơi giải trí là vấn đề cần được quan tâm và có sự đầu tư.

Các dịch vụ này có thể tổ chức cùng trong khuôn viên của các nhà nghỉ, khách sạn để tạo điều kiện tối đa cho khách hàng tiêu thụ các sản phẩm theo nhu cầu của họ.

Các loại hình phục vụ mua sắm cần khai thác triệt để truyền thống từ các làng nghề, tạo sức hấp dẫn với du khách, các hàng lưu niệm làm từ làng nghề cần phải phù hợp với sở thích của khách du lịch và đặc biệt là khả năng chi trả của khách.

Hoạt động du lịch lễ hội cần các dịch vụ bổ sung: món ăn truyền thống, ở khu vực Việt Bắc: cơm lam, xôi ngũ sắc, thắng cố... làng nghề truyền thống: làng nghề rèn, làng nghề dệt thổ cẩm, mây tre đan... biểu diễn trong phần hội các trò chơi dân gian, tung còn, kéo co, đẩy gậy, đánh vật, đi cà kheo... cần được thiết kế theo một chương trình cụ thể và có kịch bản về nội dung và hình thức để trò chơi thực sự hấp dẫn.

Các dịch vụ bán đồ lưu niệm tại các lễ hội cần được mở rộng cả về đơn vị kinh doanh lẫn số lượng, chủng loại các mặt hàng, sản phẩm phải được thiết kế độc đáo, mang đặc trưng của vùng miền.

Việc tăng cường chất lượng dịch vụ phải trên cả ba góc độ thái độ phục vụ, tính đa dạng của tiện nghi hàng hóa dịch vụ và khả năng sẵn sàng phục vụ, tiếp đón khách. Đánh giá, xếp loại các cơ sở lưu trú ăn uống, các loại phương tiện vận chuyển khách và hệ thống dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc gia.

3.2.3.5. Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động du lịch

Trong hoạt động du lịch, yếu tố cơ sở vật chất cũng đóng vai trò quan trọng, nó đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, đi lại, lưu trú của du khách. Đối với du lịch lễ hội đây càng là yếu tố quan trọng, vì nó là nhân tố tạo nên chất lượng hoạt động của lễ hội.

Hiện nay nguồn doanh thu từ hoạt động lễ hội đều do địa phương có lễ hội tự quản lý nên dễ dẫn đến tình trạng thất thoát tiền của, để khắc phục tình trạng này, các tỉnh cần chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành, đơn vị thống nhất về chế độ

và mức chi phí kinh doanh cho hoạt động du lịch lễ hội.

Đầu tư thích đáng cho việc tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa, cách mạng, có phương thức khai thác, lưu giữ những giá trị nghệ thuật truyền thống của các trò chơi dân gian, đa dạng hình thức hoạt động văn hóa, xã hội làm cho lễ hội ngày càng hấp dẫn du khách.

Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông có chất lượng cao hơn, và ngày càng hoàn thiện đáp ứng nhu cầu đi lại của khách. Nâng cấp hệ thống điện, nước, dịch vụ thương mại, bưu chính viễn thông... để khách tham quan lễ hội có đủ điều kiện sinh hoạt.

Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng phục vụ ăn uống, phải được đầu tư nâng cấp, xây mới, các dịch vụ bổ sung: khu vui chơi giải trí, rạp chiếu phim, rạp hát, các cửa hàng mua sắm, nơi đổi rút tiền... đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch.

Chương trình du lịch lễ hội cần nhằm đến nhiều đối tượng khách, đặc biệt là khách du lịch quốc tế rất hứng thú với loại hình du lịch lễ hội, tuy nhiên cần có cơ chế riêng để thu hút và tạo dấu ấn đậm nét cho khách. Tại lễ hội chợ tình Khau Vai, đối tượng khách rất phong phú, không chỉ riêng khách nội địa mà có nhiều khách du lịch đến từ nhiều nước khác nhau: Anh, Pháp, Mỹ, Trung Quốc...

Khai thác các sản phẩm đặc trưng truyền thống của địa phương, xây dựng các tuyến đường tới khu, điểm du lịch, các làng nghề, nhằm giới thiệu cho khách sản phẩm đặc trưng của vùng được thuận lợi hơn, chẳng hạn như đồ mây tre đan, dệt thổ cẩm...

Xây dựng hệ thống nhà hàng phục vụ các món ăn đặc sản, mang đặc trưng của vùng: Gà đồi, dê núi, lợn xách tay...

Cơ sở vật chất kỹ thuật nếu được đầu tư tốt, hợp lý, chính xác sẽ là một động lực thúc đẩy sự phát triển của du lịch, giúp khách tiếp cận được với sản phẩm du lịch dễ dàng, thuận tiện.

3.2.3.6. Đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch

Du lịch là ngành đòi hỏi người làm trong ngành phải có sự hiểu biết, giao tiếp rộng, khả năng thích ứng với môi trường cao, những người làm trong lĩnh vực du lịch lễ hội, phải có sự hiểu biết về văn hóa của vùng, địa phương nơi mình giới thiệu cho khách. Vì vậy công tác đào tạo đối với đội ngũ hoạt động trong ngành là một chính sách quan trọng.

Nhằm đào tạo, nâng cao tay nghề cho người làm du lịch, cần có các chương trình đào tạo: đào tạo mới, đào tạo lại nguồn nhân lực...

Đối với Hướng dẫn viên: đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên điểm là người địa phương, vì họ là người thông thuộc địa hình, dân cư, nơi họ sinh sống, khách sẽ có hứng thú nghe khi hướng dẫn viên giới thiệu, thuyết minh về chính quê hương họ. Khi đến một điểm du lịch nơi có nhiều dân cư là người dân tộc tày sinh sống, được chính cô gái mặc trang phục dân tộc mình giới thiệu, đây là một điều thú vị cho khách.

Nhân viên làm việc trong hệ thống nhà hàng, khách sạn cũng cần được đào tạo để có thái độ, khả năng phục vụ cho khách chuyên nghiệp, lịch sự đúng tác phong, yêu cầu của ngành nghề. Nên mở các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn, mở các lớp tập huấn thường xuyên nâng cao tay nghề cho nhân viên.

Xây dựng đội ngũ các nhà quản lý, doanh nghiệp năng động sáng tạo, đủ năng lực điều hành các hoạt động kinh doanh du lịch có hiệu quả.

Có chính sách thu hút nhân tài để hoạt động du lịch ngày càng phát triển vững mạnh hơn nữa, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

3.2.3.7. Nâng cao nhận thức của cư dân về vai trò của lễ hội trong hoạt động du lịch

Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực, nếu người dân hiểu được vai trò của mình đối với hoạt động du lịch, họ sẽ có ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên du lịch và phát triển du lịch.

Bằng nhiều hình thức tuyên truyền giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân mọi cấp, mọi ngành về phát triển du lịch đi đôi với việc bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường sinh thái và tài nguyên nhân văn. Có ý thức bảo tồn di tích.

Xây dựng các làng văn hóa, gia đình văn hóa, các vấn đề về nếp sống văn

hóa trong giao tiếp với mọi người cũng như khách du lịch.

Xây dựng nếp sống lành mạnh không làm hủy hoại đến môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

Giáo dục ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường sống, sinh hoạt, môi trường diễn ra lễ hội, không tự tiện thải rác ra khu vực xung quanh khu di tích và những nơi công cộng.

Phát huy những mặt tích cực vốn có trong nhân dân, hạn chế đến mức thấp nhất các hoạt động tiêu cực, xây dựng tập tục lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan.

Tránh tiêu cực trong lễ hội, các cơ quan chức năng phải có nhận thức đúng đắn, đặc biệt ngành du lịch phối kết hợp với các ngành có liên quan tuyên truyền, vận động cho nhân dân về chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước đối với các bộ, nhân dân về trách nhiệm của công dân đối với dân tộc, đối với lễ hội.

3.3. XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN KHU VỰC VIỆT BẮC

Xây dựng các tuor du lịch nối các điểm du lịch trong địa bàn các tỉnh khu vực Việt Bắc với nhau, tạo sự gắn kết giữa các tỉnh trong hoạt động du lịch.

Một số tuor du lịch chính, lấy vị trí trung tâm xuất phát là Thủ đô Hà Nội:

- Tuor Hà Nội - Thái Nguyên (2 ngày, 1 đêm)

Du khách đi thăm các điểm du lịch của tỉnh thái nguyên như: Hồ núi cốc, hồ nhân tạo lớn nhất ở khu vực Việt Bắc, gắn liền với chuyện tình chàng Cốc, động Phượng Hoàng, Bảo tàng các Dân tộc Việt Nam.

- Tuor Hà Nội - Vườn quốc gia Ba Bể (3 ngày 2 đêm)

Đi thăm chùa hang Thạch Long, Vườn quốc gia Ba Bể, đi thuyền trên sông Năng, hồ Ba Bể thăm động Puông, đảo Bà Góa, bản Pắc Ngòi...Ngoài ra du khách sẽ được đến thăm các bản của người dân tộc.

- Tour Hà Nội - Lạng Sơn (2 ngày 1 đêm)

Khách được đi thăm ải Chi Lăng, cửa khẩu Hữu Nghị quan, động Tam

Thanh, Nhị Thanh, đi khu du lịch Mẫu Sơn, sau đó về chợ Kỳ Lừa hoặc Đông Kinh mua sắm.

- Tuor Hà Nội - Bắc Kạn - Cao Bằng - Lạng Sơn (5 ngày 4 đêm)

Trong tuyến hành trình, du khách sẽ được tham quan các điểm du lịch nổi tiếng như: chùa Hang, chùa Thạch Long, vườn Quốc gia Ba Bể (Bắc Kạn), thác Bản Giốc, hang động Ngườm Ngao, khu di tích Pác Bó, (Cao Bằng), thăm Hữu Nghị quan, khu du lịch Mẫu Sơn, động Tam Thanh, Nhị Thanh, sau đó đi chợ Đông Kinh mua sắm. Kết thúc chuyến hành trình.

- Tuor Hà Nội - Tuyên Quang (2 ngày 1 đêm)

Tham quan khu di tích lịch sử Tân Trào, ATK Kim Quan, khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, thăm đền Hạ, thành cổ Nhà Mạc.

- Tuor Hà Nội - thị xã Hà Giang - Đồng Văn (4 ngày 3 đêm)

Thăm động Phương Thiện, hang Chui, cao nguyên Đồng Văn, Dinh họ Vương, thăm Mèo Vạc, điểm cực bắc Lũng Cú, ngắm cảnh Cổng Trời, tắm suối khoáng, ăn trưa tại khu du lịch Thanh Hà.

- Tuor Hà Nội - Thái Nguyên - Tuyên Quang (3 ngày 2 đêm)

Du khách tham quan Bảo tàng Văn hóa các Dân tộc Việt Nam, thăm Hồ Núi Cốc, ATK Định Hóa (Thái Nguyên), khu di tích Tân Trào, thành nhà Mạc, đền Hạ, khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm (Tuyên Quang).

3.4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Đây là vấn đề mang tính cấp thiết vì muốn hoạt động du lịch phát triển, thì hệ thống đường xá phải thuận tiện, để khách có thể dễ dàng đến với điểm du lịch, lễ hội. Muốn du khách lưu trú dài ngày, thì hệ thống nhà hàng, khách sạn có sự đa dạng về dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của du khách.

- Nâng cao tay nghề, trình độ, khả năng quản lý của đội ngũ cán bộ, công nhân viên hoạt động trong ngành du lịch. Cán bộ quản lý giỏi, đội ngũ nhân viên có chất lượng, có kinh nghiệm, nhiệt tình, giỏi chuyên môn nghiệp vụ, sẽ gây được ấn tượng tốt với du khách về sự chuyên nghiệp trong công tác tổ chức,

quản lý và phục vụ. Đem lại sự hài lòng cho du khách

- Giáo dục ý thức, vai trò của người dân trong việc bảo vệ giữ gìn các di tích lịch sử, môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn, tạo sự thân thiện với du khách.

- Công tác tổ chức, quản lý chặt chẽ, khoa học, chính xác, khuyến khích đầu tư du lịch của các cơ quan, đoàn thể doanh nghiệp vào các tỉnh Việt Bắc. Là khu vực có tiềm năng lớn để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch lễ hội, nếu được sự đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, du lịch sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng.

- Khôi phục, phát triển những làng nghề truyền thống, đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Việc khôi phục các làng nghề truyền thống vừa mang ý nghĩa kinh tế, đem lại thu nhập cho người dân, nó vừa có ý nghĩa trong hoạt động văn hóa, du lịch. Khôi phục lại các giá trị truyền thống đang ngày càng mai một. Giới thiệu các mặt hàng của các làng nghề đến với du khách: đồ gỗ, mây tre đan, thủ công mỹ nghệ...

- Hoạt động du lịch lễ hội phải chú ý đến các yếu tố truyền thống, khai thác các trò chơi dân gian, thu hút đông đảo nhân dân và khách du lịch tham gia. Đến với lễ hội, được tham gia vào các trò chơi, tái hiện các sự kiện lịch sử, mô phỏng cuộc sống sinh hoạt của một cộng đồng dân cư... đây là điều đặc biệt thú vị đối với khách du lịch.

TIÊU KẾT

Chương 3 đã chỉ ra được những khó khăn, thuận lợi trong hoạt động du lịch lễ hội ở khu vực Việt Bắc.

Đánh giá chung nhất về thực trạng phát triển du lịch của các tỉnh

Đề ra các giải pháp để phát triển hoạt động du lịch, đưa ra một số ý kiến, kiến nghị của bản thân đối với hoạt động du lịch ở khu vực Việt Bắc.

KẾT LUẬN

Đề tài tìm hiểu, giới thiệu một số lễ hội tiêu biểu của các dân tộc ở khu vực Việt Bắc. Từ đó có những định hướng khai thác giá trị của lễ hội, phục vụ cho việc phát triển du lịch.

Đối với lễ hội chợ tình Khau Vai, gọi là chợ, nhưng chỉ tổ chức duy nhất một lần trong năm, người đến chợ không phải với mục đích mua, bán mà để gặp lại nhau, để trao đổi, tâm tình, là nơi gặp gỡ, làm quen của nam nữ thanh niên. Chợ còn có tên gọi khác “Chợ Phong lưu”, có thể nói đây là một hiện tượng văn hóa đặc sắc hiếm có ở Việt Nam và có lẽ cả trên thế giới. Để thu hút số lượng khách ngày càng lớn đến với lễ hội, đòi hỏi chính quyền địa phương, ban tổ chức lễ hội, giữ được nét đẹp văn hóa truyền thống của phiên chợ này, tránh tình trạng “thương mại hóa” gây nhàm chán cho du khách.

Lễ hội Nhảy Lửa của dân tộc Pà Thẻn, có sức hấp dẫn lớn đối với du khách về sự thần bí. Nó khiến du khách, ngạc nhiên, kinh ngạc, thán phục, về sức mạnh phi thường của con người, có thể nhảy vào lửa, ăn than, nằm trên đống than... nó thể hiện sức mạnh tâm linh, những người nhảy lửa quan niệm khi “con ma nhập” thì người như bị xô vào lưng, đẩy ra, thúc nhảy vào lửa, múa trên than hồng mà không hề thấy nóng. Việc tổ chức các sự kiện văn hóa, tuần văn hóa, để giới thiệu lễ hội đến với đông đảo người dân, quảng bá hình ảnh của lễ hội đến với tất cả mọi người, là hình thức thu hút khách du lịch đến với lễ hội đặc sắc này.

Lễ hội Lồng Tồng và lễ hội Cầu Mùa, là hình thức sinh hoạt tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp, cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, tươi tốt... nét đặc sắc của lễ hội chính là các trò chơi dân gian, có thể nói đây là “kho tàng” các trò chơi dân gian mang đậm sắc màu văn hóa của cư dân Việt Bắc. Khai thác giá trị của lễ hội phục vụ phát triển du lịch, chính là khai thác các trò chơi dân gian trong lễ hội.

Có thể nói mỗi lễ hội, mang một màu sắc riêng, nhưng việc giữ gìn các yếu tố truyền thống là vô cùng quan trọng, vì du lịch lễ hội là sự tìm về với cội nguồn truyền thống, với các giá trị nhân văn.

Du lịch lễ hội có thể nói là thế mạnh để phát triển du lịch của vùng, trong những năm qua được sự quan tâm của các cấp, các ngành, nhiều lễ hội đã được tổ chức tốt. Đáp ứng được nhu cầu tham quan tìm hiểu của du khách. Hệ thống giao thông được nâng cấp để du khách đến với lễ hội thuận tiện hơn, hệ thống các cơ sở lưu trú, ăn uống đã được đầu tư nâng cấp, xây dựng, phục vụ tốt nhu cầu của khách trong thời gian đến với lễ hội. Các cửa hàng bán đồ lưu niệm, ngày càng có sự đa dạng về chủng loại sản phẩm, mẫu mã phục vụ nhu cầu mua sắm của khách. Nhiều lễ hội được tổ chức với kinh phí lớn, có sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, tạo ấn tượng tốt với du khách khi đến với lễ hội.

Tuy nhiên việc tổ chức lễ hội vẫn còn những hạn chế, ở nhiều lễ hội yếu tố truyền thống đã bị xem nhẹ, thay vào đó là yếu tố hiện đại, nhưng không mang tính văn hóa, những trò chơi hiện đại, thực chất là hình thức cờ bạc, đồ đen lại là điểm thu hút đông đảo du khách. Đây là vấn đề đòi hỏi, ban tổ chức của các lễ hội cần xem xét, giải quyết. Bên cạnh đó hệ thống các dịch vụ phục vụ nhu cầu thiết yếu như ăn, nghỉ, sinh hoạt... đến mùa cao điểm du lịch, hay những ngày chính thức diễn ra lễ hội, còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu của số lượng lớn du khách. Nguồn nhân lực phục vụ du lịch còn thiếu và yếu, chưa qua trường lớp đào tạo. Thêm vào đó là tình trạng “chật, chém” khách du lịch khi đến với lễ hội, với tâm lý của những người cung cấp dịch vụ là mỗi năm lễ hội chỉ diễn ra một lần.

Nhằm phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế, để các lễ hội trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách, đòi hỏi sự quan tâm của các cấp, các ngành, ý thức của người dân trong việc bảo tồn các di tích của lễ hội. Có các giải pháp để phát triển hoạt động du lịch lễ hội, tuyên truyền quảng bá cho du lịch lễ hội trên các phương tiện như: ti vi, báo, đài, Internet... đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, xây dựng các khách sạn, hiện đại có chất lượng tốt, cải tạo nâng cấp hệ thống giao thông, nâng cấp hệ thống điện, nước, bưu chính viễn thông... đào tạo, nâng cao tay nghề cho người làm du lịch, có các chương trình đào tạo mới, đào tạo lại nguồn nhân lực. Một điều quan trọng nữa đó là việc nâng cao nhận

thức của cư dân về vai trò của lễ hội trong hoạt động du lịch, tạo sự thân thiện với du khách khi đến với lễ hội.

Tóm lại để du lịch lễ hội thực sự phát triển đòi hỏi sự quan tâm của các cấp các ngành, và nhận thức của người dân về vai trò của lễ hội.

Có thể nói du lịch lễ hội có ý nghĩa và giá trị to lớn, việc tổ chức lễ hội đem lại thu nhập, nâng cao mức sống cho cư dân địa phương, bảo tồn và gìn giữ văn hóa truyền thống, đặc biệt Việt Bắc là khu vực sinh sống của nhiều dân tộc, việc bảo tồn văn hóa truyền thống càng có ý nghĩa hơn. Bên cạnh đó, tổ chức lễ hội là dịp để quảng bá, giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam đến với bạn bè trên khắp năm châu.

Bước đầu tập sự nghiên cứu khoa học, bản thân người viết mong muốn được tiếp tục phát triển đề tài này ở mức độ cao hơn, đưa các vấn đề, giải pháp có ý nghĩa như là một đề án phát triển du lịch ở Việt Bắc. Đồng thời các kiến nghị đề xuất ngày càng có tính khả thi cao.

Mặc dù đã cố gắng trong quá trình hoàn thành đề khóa luận có tính khoa học và thực tiễn cao, song do thời gian có hạn, trình độ chuyên môn và kiến thức còn hạn chế nên những khiếm khuyết trong đề tài khóa luận này là không thể tránh khỏi. Vì vậy em rất mong được sự giúp đỡ và chỉ bảo của các thầy cô để cho bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

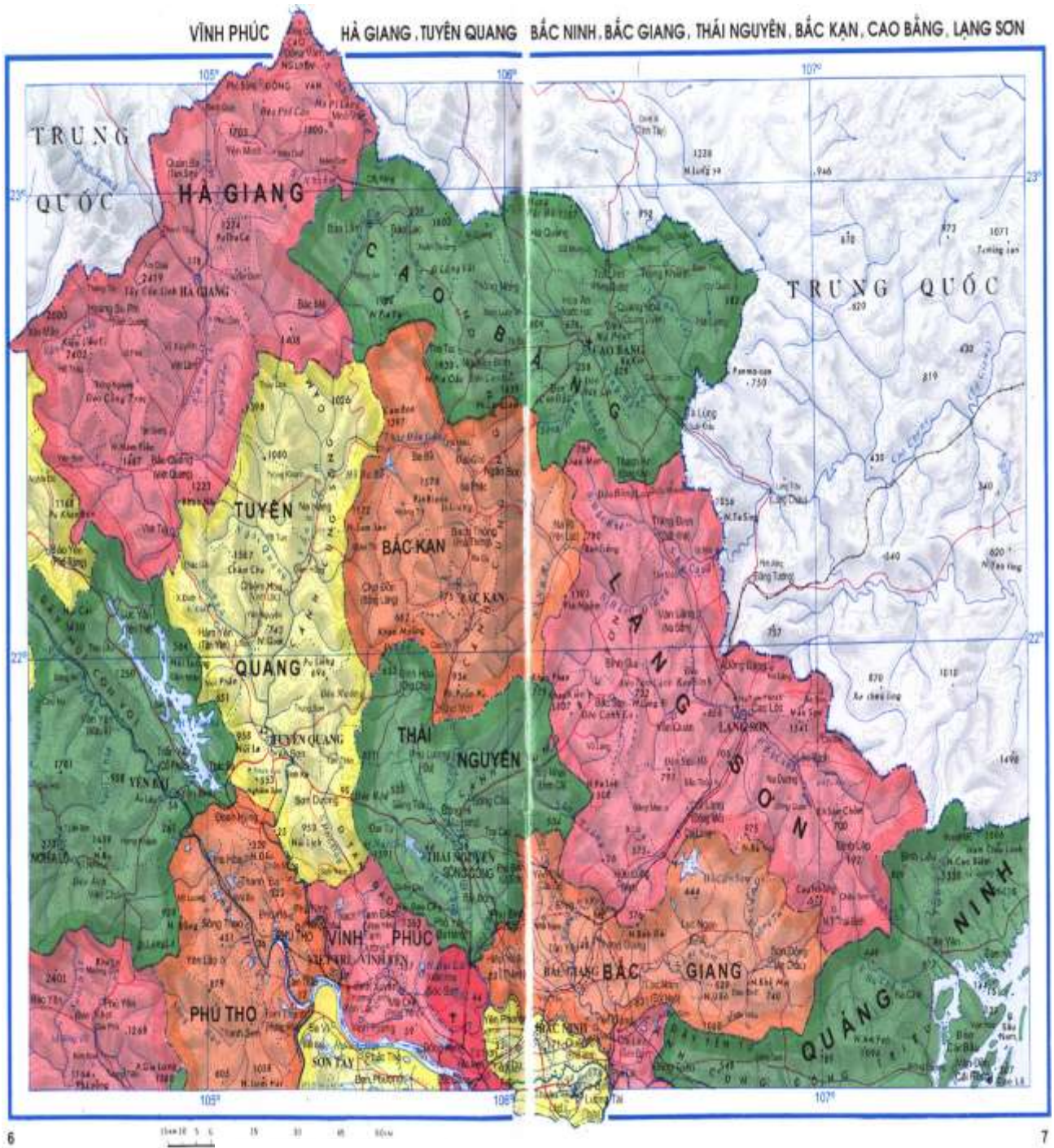
TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan Ánh, *Hội hè đình đám*, NXB Nam Chí Tùng Thư, Sài Gòn - 1969
2. Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Lê Huy Hoàng - Hoàng Hữu Nhuận, *Văn hóa Việt Nam truyền thống và hiện đại*, NXB Khoa học xã hội - 2000.
4. Đình Gia Khánh - Nguyễn Hữu Tần, *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*, NXB Khoa học xã hội - 1995.
5. Hồ Hoàng Lan, *Lễ hội một nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng*, NXB Khoa học xã hội - 1998.
6. *Hội hè Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin - 2002.
7. Thu Linh- Đặng Văn Lung, *Lễ hội truyền thống và hiện đại*, NXB Văn Hóa, Hà Nội 1998.
8. Hoàng Lương, *Lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam khu vực phía Bắc*, NXB Đại học Quốc Gia.
9. Lê Thị Tuyết Mai, *Du lịch lễ hội Việt Nam*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội - 2004.
10. Phan Đăng Nhật, *Lễ hội cổ truyền*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1992
11. Dương Văn Sáu, *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội 2004.
12. Trần Đức Thanh, *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội - 2000
13. Bùi Thiết, *Từ điển Hội lễ Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội 2000.
14. Ngô Đức Thịnh, *Tín ngưỡng lễ hội cổ truyền*, NXB Văn hóa Thông tin - 2007.
15. Ma Đình Thu, *Lượn lùng tùng*, NXB Đại học Thái Nguyên - 2009.
16. Trần Mạnh Thường, *Việt Nam văn hóa và du lịch*, NXB Thông tấn - 2005.
17. Đồng Khắc Thọ, *Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh Thái Nguyên*, Sở Văn hóa Thông tin Thái Nguyên - 2002.
18. Tổng cục du lịch - Trung tâm công nghệ thông tin du lịch, *Non nước Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội 2002.

19. Lê Trung Vũ, *Lễ hội cổ truyền Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin - 2005.
20. Trần Quốc Vượng, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Lâm Mỹ Dung, Trần Thúy Anh, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo Dục - 2003.
21. Bùi thị Hải Yến, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục - 2005.
22. Địa chỉ khai thác trên Internet.

1. [http: // .www.vi.wikipedia.org](http://.www.vi.wikipedia.org)
2. <http://. www.baodulich.net.vn>
3. [http: // .www.e-cadao.com](http://.www.e-cadao.com)
4. <http://. www.vietnamtourism-info.com>
5. [http: // .www.vietnamtourism.gov.vn](http://.www.vietnamtourism.gov.vn)
6. <http://. www.caobang.gov.vn>
7. [http: // .www.backan.gov.vn](http://.www.backan.gov.vn)
8. [http: // .www.lang son.gov.vn](http://.www.lang son.gov.vn)
9. [http: // .www.thainguyen.gov.vn](http://.www.thainguyen.gov.vn)
10. [http: // .www.tuyenquang.gov.vn](http://.www.tuyenquang.gov.vn)
11. [http: // . www.hagiang.gov.vn](http://. www.hagiang.gov.vn)
12. [http: // .www.dulichvn.org.vn](http://.www.dulichvn.org.vn)

PHỤ LỤC 1



Địa giới hành chính khu vực Việt Bắc

PHỤ LỤC 2
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CÁC LỄ HỘI

1. Lễ hội Nhảy Lửa



Thầy cúng đang làm lễ



Bắt đầu nhảy múa



Nhảy múa trên đống lửa

2. Lễ hội Chợ Tình Khau Vai



Khai mạc lễ hội Chợ tình Khau Vai



Xuống chợ Khau Vai

3. Lễ hội Cầu Mùa



Chuẩn bị đồ cúng



Trò chơi trong lễ hội

4. Lễ hội Lồng Tồng



**Chương trình diễn tấu tại hội Lồng Tồng
ATK Đình Hóa**



Đường cấy đầu tiên ở lễ hội

PHỤ LỤC 3

HỆ THỐNG CÁC LỄ HỘI Ở KHU VỰC VIỆT BẮC CÓ THỂ KHAI THÁC PHỤC VỤ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH

STT	Tên lễ hội	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Nội dung lễ hội
1	Lễ hội Bùng Kham	Mùng 4 tháng Giêng	Huyện Tràng Định, Lạng Sơn	Cầu mong được các nàng tiên phù hộ làm ăn phát đạt
2	Lễ hội Ná Nhèm (lễ hội mặt nạ)	Ngày 15 tháng Giêng	Huyện Trấn Yên, Lạng Sơn	Các thành viên bơi lội lên mặt để đánh lạc hướng những hồn ma không về gây hại cho dân làng
3	Lễ hội Phài Lừa (bơi bè)	Tổ chức theo chu kỳ 2 năm một lần vào ngày mùng 4 tháng 4 (âm lịch)	Thành phố Lạng Sơn	Tưởng nhớ công ơn và thán phục sức mạnh phi thường của các vị thần diệt trừ các con vật gian ác chuyên hại người
4	Lễ hội Chùa Tiên	Ngày 15 tháng Giêng	Thành phố Lạng Sơn	Xuất phát từ tín ngưỡng thờ đá và thờ nguồn nước của cư dân nông nghiệp
5	Hội Núi Vắn - Núi Vồ	Mồng 4 tháng Giêng	Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	Tưởng niệm tướng quân Lưu Nhân Chú đã có công với Lê Lợi đánh giặc Minh ở thế kỷ XV
6	Hội Chùa Hang	20 tháng Giêng	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên	Lễ phật cầu phúc, cầu tài
7	Hội Đèn Đuôm	Mùng 6 tháng Giêng	Huyện Phú Lương, Thái Nguyên	Tưởng nhớ phò mã Dương Tự Minh và vợ đã có công đánh thắng giặc ngoại xâm

*Tìm hiểu một số lễ hội tiêu biểu ở khu vực Việt Bắc góp phần phát triển
du lịch nhân văn*

8	Hội Giếng Tanh	Mùng 10 tháng Giêng	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	Cầu mong mưa thuận gió hòa, con người khỏe mạnh
9	Lễ hội Khai Nhạc	Mùng 2 tết Nguyên Đán	Huyện Hàm Yên, Tuyên Quang	Tưởng nhớ công ơn của tổ tiên
10	Lễ hội Giã Cốm	Tháng 9 hoặc tháng 10 (âm lịch)	Huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang	Thể hiện sự biết ơn của người dân đối với đất trời đã cho mùa màng tốt tươi, cuộc sống ấm no, hạnh phúc
11	Lễ hội Đèn Hạ	Từ 11 đến 16 tháng 2 (âm lịch)	Thị xã Tuyên Quang	Xin Mẫu ban phước cho gia đình yên ấm, đầy đủ
12	Lễ hội chọi Trâu	Mùng 2 tết Nguyên Đán	Huyện Vị Xuyên, Hà Giang	Thể hiện tinh thần thượng võ
13	Lễ hội Gầu Tào	Tổ chức vào mùa Xuân hay những ngày nông nhàn	Huyện Đông Văn, Hà Giang	Cúng tạ trời đất đã ban cho thôn bản, dòng họ, gia đình, sức khỏe.
14	Lễ hội năm mới	Từ mùng 1 đến hết 30 tháng Giêng	Huyện Mèo Vạc, Hà Giang	Mời thần linh về chứng kiến buổi lễ của làng và nghe báo cáo những kết quả mà đồng tộc và thôn bản đã đạt được trong năm qua, cảm ơn sự phù hộ che chở, giúp đỡ của các vị thần linh
15	Lễ hội đèn Kỳ Sầm	Mùng 10 tháng Giêng	Huyện Hòa An, Cao Bằng	Tưởng nhớ danh nhân lịch sử Nùng Trí cao, người Dân tộc Tày một nhân vật có liên quan đến sự nghiệp mở nước ở thời Lý (vua Lý Thái Tông thế kỷ XI).

*Tìm hiểu một số lễ hội tiêu biểu ở khu vực Việt Bắc góp phần phát triển
du lịch nhân văn*

16	Lễ hội chùa Giang Động	Ngày 15 tháng Giêng	Huyện Hòa An, Cao Bằng	Đây là dịp để nhân dân trong vùng đến cầu may, cầu phước mỗi độ xuân về
17	Lễ hội hát mời Mẹ Trắng	Sau tết Nguyên Đán, kéo dài từ 10 đến 15 ngày	Huyện Quảng Uyên, Cao Bằng	Đây là lễ hội của dân tộc Tày mang mục đích cầu Mẹ Trắng ban điều lành, điều tốt cho dân bản, mùa màng bội thu, gia súc sinh sôi, không bị dịch bệnh...
18	Lễ hội Nàng Hai	Tổ chức vào mùa xuân hoặc mùa thu	Huyện Thạch An, Cao Bằng	Mời nàng Hai về ban mùa màng và ban hạnh phúc cho dân bản
19	Lễ hội xuân Ba Bể	Mùng 10 tháng giêng	Huyện Ba Bể, Bắc Kạn	Dân làng chuẩn bị lễ vật dâng lên thần núi, thần sông, thần hồ, để cầu một năm bình an với mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, vạn vật sinh sôi nảy nở. Với các trò chơi hấp dẫn, đua thuyền độc mộc, đấu võ dân tộc...
20	Lễ hội chợ tình Xuân Dương	Ngày 25 tháng 3 (âm lịch)	Huyện Na Rì, Bắc Kạn	Những người đến với chợ để tìm lại bóng dáng người xưa, trao đổi tâm tình.

LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình khoa học của mỗi sinh viên khi tốt nghiệp đại học. Việc hoàn thành khóa luận, đòi hỏi sự nỗ lực cố gắng của bản thân sinh viên, sự giúp đỡ của thầy cô hướng dẫn, sự động viên của gia đình bạn bè.

Nhân dịp hoàn thành đề tài khóa luận em xin gửi lời cảm ơn chân thành của mình đến toàn thể các thầy cô trong Ban giám hiệu nhà trường, các thầy cô giáo đã giảng dạy chúng em trong suốt bốn năm học ở ngôi trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, các thầy cô giáo trong tổ bộ môn Văn hóa Du lịch. Em xin cảm ơn các thầy các cô, đã dạy cho chúng em những kỹ năng, kinh nghiệm quý giá để khi ra trường em có thể làm việc tốt.

Đặc biệt em xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới thầy giáo hướng dẫn: Th.S. Tạ Ngọc Minh - người đã định hướng đề tài, tận tình hướng dẫn chỉ bảo em trong suốt quá trình hoàn thành đề tài khóa luận này.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Lý Thanh Tình

BẢNG KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tên đầy đủ
VH TT	Văn hóa thể thao
ATK	An toàn khu
NXB	Nhà xuất bản

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	3
4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài	3
5. Đóng góp của đề tài.....	4
6. Kết cấu của đề tài	4
CHƯƠNG 1. VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC VIỆT BẮC	5
1.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN – XÃ HỘI.....	5
1.2. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ.....	10
1.3. ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA.....	11
1.4. TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ.....	14
1.5. TÀI NGUYÊN DU LỊCH	16
1.6. HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH LỄ HỘI	18
TIỂU KẾT	20
CHƯƠNG 2. MỘT SỐ LỄ HỘI TIÊU BIỂU VÀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH LỄ HỘI Ở VIỆT BẮC	21
2.1. KHÁI QUÁT VỀ LỄ HỘI	21
2.1.1. Lễ hội.....	21
2.1.2. Du lịch lễ hội	23
2.1.3.Đặc Điểm của du lịch lễ hội.....	25
2.2. MỘT SỐ LỄ HỘI TIÊU BIỂU Ở KHU VỰC VIỆT BẮC.....	26
2.2.1. Lễ hội Nhảy Lửa	26
2.2.2. Lễ hội Chợ tình Khau Vai.....	31
2.2.3. Lễ hội Cầu Mùa.....	35
2.2.4. Lễ hội Lòng Tòng.....	39
2.2. MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH LỄ HỘI Ở VIỆT BẮC	44

TIÊU KẾT	45
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH LỄ HỘI VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH LỄ HỘI Ở VIỆT BẮC	46
3.1. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH LỄ HỘI	46
3.1.1. Thực trạng về khả năng thu hút khách và doanh thu	46
3.1.2. Thực trạng về cơ sở vật chất kỹ thuật	47
3.1.3. Thực trạng đầu tư cho du lịch	50
3.1.4. Thực trạng nguồn nhân lực và công tác tổ chức quản lý	51
3.2. GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH LỄ HỘI	53
3.2.1. Thuận lợi, khó khăn	53
3.2.2. Định hướng phát triển	55
3.2.3. Những giải pháp	56
3.2.3.1. <i>Nâng cao công tác tổ chức quản lý.....</i>	<i>56</i>
3.2.3.2. <i>Khai thác và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống</i>	<i>58</i>
3.2.3.3. <i>Tuyên truyền quảng bá cho du lịch lễ hội.....</i>	<i>58</i>
3.2.3.4. <i>Xây dựng các dịch vụ bổ sung.....</i>	<i>59</i>
3.2.3.5. <i>Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động du lịch</i>	<i>60</i>
3.2.3.6. <i>Đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch.....</i>	<i>61</i>
3.2.3.7. <i>Nâng cao nhận thức của cư dân về vai trò của lễ hội trong hoạt động du lịch.....</i>	<i>62</i>
3.3. XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN KHU VỰC VIỆT BẮC	63
3.4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	64
TIÊU KẾT	65
KẾT LUẬN	65
TÀI LIỆU THAM KHẢO	